

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1086	LÊ NGUYỄN THANH	QUANG	23	4	1990				Bình Thuận	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	Quản trị kinh doanh quốc tế		HCM02919		52.50	71.25	62.50		HCM01069
1087	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	6	10	1994				Tây Ninh	Đại học Tài Chính - Marketing Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02921		62.50	63.75	77.50		HCM01070
1088	PHÙNG MINH	QUANG	20	1	1982				TPHCM	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02924		62.50	27.50	MT		HCM01071
1089	LÂM NGUYỆT	QUẾ				23	6	1987	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Ngân hàng		HCM02927		65.00	60.00	77.50		HCM01072
1090	NGUYỄN THỊ	QUẾ				5	2	1988	Nam Định	Đại học Văn Hiến TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02928		VT	VT	VT		HCM01073
1091	LÂM ANH	QUỐC	30	11	1981				Hoài tân, Hoài Nhơn Bình Định	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02933		45.00	31.25	50.00		HCM01074
1092	HUỲNH NGỌC	QUỖ	20	12	1993				Thăng Bình, Quảng Nam	Học viện Lincoln	Quản trị kinh doanh		HCM02936		50.00	MT	67.50		HCM01075
1093	PHAN BÁ	QUỖ	4	2	1993				An Giang	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	HCM02939	20	VT	VT	VT		HCM01076
1094	VĂN THỊ	QUỖ				21	5	1980	Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Kế toán, tài vụ và PTHĐKT	Con TB	HCM02941	20	85.00	60.00	60.00		HCM01077
1095	CAO NHÃ	QUYÊN				13	5	1990	Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HCM02942		VT	VT	VT		HCM01078
1096	CAO THỊ HOÀNG	QUYÊN				3	10	1989	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM02943		VT	VT	VT		HCM01079
1097	CHÂU THỊ TRÚC	QUYÊN				9	6	1990	Tỉnh Long An	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM02945		92.50	68.75	77.50		HCM01080
1098	CHÂU THỊ TÚ	QUYÊN				17	8	1986	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính		HCM02946		65.00	50.00	72.50		HCM01081
1099	ĐÌNH THỊ	QUYÊN				1	1	1992	Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đh Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		HCM02949		60.00	61.25	65.00		HCM01082
1100	HÀ MINH	QUYÊN				17	7	1988	Thành phố Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán		HCM02951		87.50	31.25	85.00		HCM01083
1101	HỮA ĐỖ	QUYÊN				12	12	1990	Sơn Lai, Nho Quan, Ninh Bình	Đại học kinh tế tp. hồ chí minh	Tài chính ngân hàng		HCM02952		67.50	61.25	70.00		HCM01084
1102	HUỲNH TRẦN MỸ	QUYÊN				13	5	1990	Bình Thuận	Đại học ĐH QT Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM02953		VT	VT	VT		HCM01085
1103	LÊ THỊ	QUYÊN				24	9	1991	Xã Hồng Lạc, Huyện Thanh Hà, Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		HCM02954		87.50	60.00	70.00		HCM01086
1104	NGUYỄN THANH	QUYÊN				19	11	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Ngân Hàng Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02958		VT	VT	VT		HCM01087
1105	PHẠM THỊ	QUYÊN				26	3	1987	Thôn Lâm Châu - Xã Thạch Châu - Lộc Hà - Hà Tĩnh	Đại học Thương Mại Hà Nội	Kế toán		HCM02970		82.50	37.50	62.50		HCM01088
1106	TRẦN	QUYÊN	10	4	1991				Quảng Bình	Đại học Kinh Tế Tp. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02984		VT	VT	VT		HCM01089
1107	NGUYỄN NGỌC	QUYẾT	13	7	1989				Đắc Lắc	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính nhà nước		HCM02987		50.00	81.25	77.50		HCM01090
1108	ĐỖ THÚY	QUỖNH				22	10	1990	Nam Định	Đại học Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HCM02988		VT	VT	MT		HCM01091
1109	NGUYỄN NGỌC	QUỖNH				10	8	1993	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02989		87.50	72.50	80.00		HCM01093
1110	NGUYỄN NHƯ'	QUỖNH				1	11	1991	Gia Lai	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Thương mại		HCM02990		57.50	68.75	72.50		HCM01094
1111	NGUYỄN THỊ DẠ	QUỖNH				18	10	1988	Phong Chương - Phong Điền - Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế tphcm	Tài chính nhà nước		HCM02992		VT	VT	VT		HCM01095
1112	NGUYỄN THỊ NHƯ'	QUỖNH				20	2	1987	Hà Nội	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM02996		95.00	78.75	70.00		HCM01096
1113	NGUYỄN THỊ NHƯ'	QUỖNH				9	12	1978	Hà Nội	Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM02995		87.50	MT	75.00		HCM01097
1114	PHẠM NGỌC	QUỖNH				12	12	1991	Xã Dũng Nghĩa- Vũ Thư-Thái Bình	Đại học Lâm Nghiệp Hà Nội	Kế toán		HCM02999		VT	VT	VT		HCM01098
1115	TRẦN LÊ KHÁNH	QUỖNH				4	6	1988	Thừa Thiên Huế	Đại học Kỹ Thuật và Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03001		72.50	52.50	67.50		HCM01099
1116	TRẦN THÚY	QUỖNH				6	12	1990	Xóm 9, Xã Ngọc Sơn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM03006		VT	VT	VT		HCM01100
1117	TỪ NHƯ'	QUỖNH				7	5	1985	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Tài chính Marketing	Kế toán		HCM03009		45.00	57.50	52.50		HCM01101

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1118	VÕ THỊ LINH	SA				26	9	1993	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Tài chính công		HCM03012		VT	VT	VT		HCM01102
1119	LÊ LÂM	SANG	2	8	1988				Long An	Đại học Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		HCM03018		42.50	52.50	65.00		HCM01103
1120	NGUYỄN VĂN THANH	SANG	11	10	1988				Long An	Đại học HÙNG VƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Quản trị kinh doanh		HCM03021		67.50	42.50	60.00		HCM01104
1121	NGUYỄN THỊ	SÁNG				2	4	1993	Ninh Bình	Đại học Hoa Lư	Kế toán		HCM03027		82.50	60.00	80.00		HCM01105
1122	TRẦN MINH	SÁNG	18	1	1985				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Thành Phố	Kế toán		HCM03028		65.00	47.50	MT		HCM01106
1123	TRẦN QUANG	SÁNG	10	2	1992				Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đại học Ngân Hàng Tp.HCM	Ngân hàng		HCM03029		90.00	68.75	82.50		HCM01107
1124	HUỖNH THỊ ÁNH	SAO				9	9	1989	Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Kế toán	Con TB	HCM03030	20	VT	VT	VT		HCM01108
1125	NGUYỄN THỊ SU	SÊ				23	11	1988	Quảng Trị	Đại học Kinh tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03031		87.50	67.50	75.00		HCM01109
1126	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	SEN				23	8	1987	Thị trấn Khánh, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03032		VT	VT	VT		HCM01110
1127	HỒ MINH	SỈ	25	4	1990				TP.HCM	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính-Ngân hàng (Chứng khoán)		HCM03036		72.50	47.50	65.00		HCM01111
1128	NGUYỄN THỊ ĐĂNG	SINH				30	1	1973	Quảng Nam	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03037		60.00	58.75	62.50		HCM01112
1129	NGUYỄN THỊ NGỌC	SON				27	6	1989	TP.Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính Marketing	HTTT Kinh tế		HCM03042		35.00	45.00	62.50		HCM01113
1130	CAO XUÂN	SƠN	9	1	1990				HÀ TĨNH	Đại học CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	Quản trị kinh doanh		HCM03045		55.00	52.50	57.50		HCM01114
1131	HOÀNG VĂN	SƠN	14	9	1988				Thượng A-Đồng Cốc-Lục Ngạn-Bắc Giang	Đại học Luật Tp. HCM	Luật	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM03046	20	VT	VT	VT		HCM01115
1132	LÂM DUY ANH	SƠN	19	7	1991				Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03047		70.00	51.25	70.00		HCM01116
1133	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	10	5	1978				Hải Dương	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		HCM03052		47.50	26.25	47.50		HCM01117
1134	NÔNG THANH	SƠN	28	9	1987				lạng sơn	Đại học Kinh tế - luật TPHCM	Quản trị kinh doanh	DTTS	HCM03055	20	57.50	27.50	62.50		HCM01118
1135	PHẠM VĂN	SƠN	6	6	1991				Hải Phòng	Đại học RMIT Vietnam	Kinh tế tài chính		HCM03056		VT	MT	VT		HCM01119
1136	THÁI MINH	SƠN	18	7	1994				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật		HCM03060		VT	VT	VT		HCM01120
1137	TÔ NHỰT	SƠN	15	1	1988				Bến Tre	Đại học Tài Chính Marketing	Quản trị kinh doanh	HTNVQS	HCM03061	10	VT	VT	VT		HCM01121
1138	TRẦN QUANG	SƠN	27	1	1988				Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	Học viện Tài Chính	Thuế		HCM03063		82.50	65.00	67.50		HCM01122
1139	VŨ HỒNG	SƠN				26	11	1987	Thanh Hoá	Đại học Ngoại Thương CS 2 TP HCM	Kinh tế đối ngoại		HCM03065		80.00	76.25	67.50		HCM01123
1140	LÊ THỊ	SỬ				2	1	1986	Bình Định	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03066		47.50	26.25	47.50		HCM01124
1141	DƯƠNG THỊ LỆ	SƯƠNG				25	10	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Hoa Sen	Kế toán		HCM03070		65.00	51.25	72.50		HCM01125
1142	HÀN THẢO	SƯƠNG				17	7	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03071		57.50	MT	50.00		HCM01126
1143	NGUYỄN THỊ	SƯƠNG				20	2	1992	Thanh Nho- Thanh Chương-Nghệ An	Học viện học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HCM03072		55.00	58.75	70.00		HCM01127
1144	TÔ THỊ	SƯƠNG				19	5	1971	Bình định	Đại học KINH TẾ	Kế toán		HCM03074		VT	VT	VT		HCM01128
1145	TRẦN LÊ NGỌC	SƯƠNG				6	12	1984	Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng Tp. HCM	Tài chính tín dụng		HCM03075		VT	VT	VT		HCM01129
1146	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG				1	3	1991	Thị Trấn Đông Phú, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh Tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		HCM03076		VT	VT	VT		HCM01130
1147	TRẦN THỊ TUYẾT	SƯƠNG				10	10	1990	Thôn Đôn, Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	Quản trị kinh doanh		HCM03077		VT	VT	VT		HCM01131

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1148	ĐÀO THẾ	TÀI	9	1	1989				Nam Định	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		HCM03080		VT	VT	VT		HCM01132
1149	NGUYỄN TRÍ	TÀI	25	10	1986				Hà Nội	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03087		67.50	61.25	60.00		HCM01133
1150	NGUYỄN TUẤN	TÀI	15	5	1991				Hà Tây	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM03088		87.50	60.00	85.00		HCM01134
1151	SỖ NGHĨA	TÀI	22	12	1992				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03091		47.50	73.75	77.50		HCM01135
1152	TRANG CHÍ	TÀI	21	1	1984				TRUNG QUỐC	Đại học ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03093		70.00	58.75	67.50		HCM01136
1153	BÙI VĂN	TÂM	10	12	1982				Thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán		HCM03095		VT	VT	VT		HCM01137
1154	ĐÀO KIỀU THANH	TÂM				6	2	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03100		90.00	56.25	75.00		HCM01138
1155	HỒ MINH	TÂM	22	10	1989				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03104		50.00	47.50	65.00		HCM01139
1156	HỒ NGUYỄN THỊ NGỌC	TÂM				10	4	1987	Bình Định	Đại học Duy Tân Đà Nẵng	Kế toán doanh nghiệp		HCM03105		VT	VT	VT		HCM01140
1157	HUYỄN ĐỒNG PHAN	TÂM	28	9	1985				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM03107		45.00	53.75	77.50		HCM01141
1158	HUYỄN TRỌNG	TÂM	3	9	1992				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		HCM03109		VT	VT	VT		HCM01142
1159	LA THANH NHẬT	TÂM				31	8	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kinh tế thẩm định giá		HCM03110		85.00	68.75	87.50		HCM01143
1160	LÊ DUY	TÂM	13	7	1979				Ho chí minh	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán		HCM03111		VT	VT	VT		HCM01144
1161	LÊ THỊ THANH	TÂM				23	10	1992	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		HCM03115		90.00	67.50	90.00		HCM01145
1162	NGUYỄN HÙNG	TÂM	28	10	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao Động - Xã Hội (CSII)	Kế toán		HCM03120		57.50	45.00	72.50		HCM01146
1163	NGUYỄN THỊ	TÂM				1	5	1990	Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính tín dụng		HCM03124		82.50	68.75	77.50		HCM01147
1164	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM				1	9	1991	Thanh Hóa	Đại học Ngân Hàng Tp.HCM	Kế toán		HCM03126		VT	VT	VT		HCM01148
1165	NGUYỄN TRẦN	TÂM	12	12	1992				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương	Kế toán		HCM03127		82.50	77.50	70.00		HCM01149
1166	TẶNG NGỌC	TÂM				13	7	1988	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Sài Gòn	Kế toán		HCM03131		65.00	41.25	75.00		HCM01150
1167	TRẦN MINH	TÂM	12	6	1975				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán	Con TB	HCM03133	20	VT	VT	VT		HCM01151
1168	VÕ NGỌC THANH	TÂM				23	11	1991	Bến Tre	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	HCM03140	20	60.00	61.25	67.50		HCM01152
1169	VÕ THÀNH	TÂM	16	11	1990				Bình Phú Lợi - Bình Thạnh - Cao Lãnh - Đồng Tháp	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		HCM03141		32.50	38.75	60.00		HCM01153
1170	VÕ THỊ NGỌC	TÂM				18	2	1990	Thành Phố Vũng Tàu	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03142		VT	VT	VT		HCM01154
1171	VÕ THỊ THANH	TÂM				28	1	1988	HCM	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03143		67.50	57.50	72.50		HCM01155
1172	ĐÀO NHỊ PHƯƠNG	TÂN				28	12	1991	Bình Định	Đại học Luật TP.HCM	Luật học		HCM03147		VT	VT	VT		HCM01156
1173	NGUYỄN THÀNH	TÂN	15	11	1992				Xã Yên Trị, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán		HCM03154		VT	VT	VT		HCM01157
1174	LÊ VĂN	TÂN	26	7	1990				Tỉnh Bắc Giang	Đại học CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI	Tài chính ngân hàng		HCM03158		32.50	33.75	55.00		HCM01158
1175	NGUYỄN MINH	TÂN	6	7	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03159		67.50	57.50	85.00		HCM01159
1176	TẠ XUÂN	TÂN	24	4	1990				Thái Bình	Đại học Đại Học Bà Rịa Vũng Tàu	Kế toán		HCM03161		77.50	33.75	60.00		HCM01160
1177	VÕ THỊ KIM	THA				25	10	1994	khánh bắc- phước vinh - đức phước- quảng ngãi	Đại học TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN	Kế toán doanh nghiệp		HCM03164		77.50	58.75	75.00		HCM01161
1178	LÊ VĨNH	THẠCH	1	7	1990				Quảng trị	Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03167		67.50	53.75	72.50		HCM01162
1179	NGUYỄN HOÀNG	THẠCH	23	9	1985				HCM	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Kinh tế học		HCM03169		60.00	43.75	60.00		HCM01163

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1180	LÊ THỊ	THÁI				2	11	1988	Hà Tĩnh	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03174		VT	VT	VT		HCM01164	
1181	PHẠM DANH	THÁI	15	4	1990				Bình Thuận	Đại học Kinh tế HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03180		VT	VT	VT		HCM01165	
1182	PHẠM HỒNG	THÁI	22	1	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03181		72.50	55.00	75.00		HCM01166	
1183	DƯƠNG THỊ HỒNG	THẨM				16	4	1980	Lâm Đồng	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03186		70.00	56.25	62.50		HCM01167	
1184	HỒ TRẦN HỒNG	THẨM				22	4	1987	Tây Ninh	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03187		90.00	61.25	72.50		HCM01168	
1185	LÊ HỒNG	THẨM				1	8	1990	Long An	Đại học Tiền Giang	Quản trị kinh doanh		HCM03189		VT	VT	VT		HCM01169	
1186	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM				22	8	1993	Nhân Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Luật Thương mại	Con TB	HCM03193	20	57.50	53.75	75.00		HCM01170	
1187	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM				15	9	1992	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Bình Dương	Kế toán		HCM03192		50.00	53.75	50.00		HCM01171	
1188	TRẦN NHẬT	THẨM	25	9	1991				Hà Nội	Đại học Sunderland	Quản lý kinh doanh		HCM03200		57.50	MT	62.50		HCM01172	
1189	ĐINH VŨ	THẮNG	24	8	1978				Hà Nội	Đại học Thương Mại Hà Nội- CN TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03202		55.00	47.50	65.00		HCM01173	
1190	ĐỖ TRỌNG	THẮNG	21	10	1985				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03204		VT	VT	VT		HCM01174	
1191	LÊ HUY	THẮNG	8	7	1993				Hà Tĩnh	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03205		62.50	50.00	70.00		HCM01175	
1192	LÊ VĂN	THẮNG	10	10	1993				Thanh Hóa	Đại học Công Nghiệp TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03207		67.50	28.75	60.00		HCM01176	
1193	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	5	12	1991				Hoàng Đông Duy Tiên, Hà Nam	Đại học Công Nghệ thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03208		55.00	50.00	62.50		HCM01177	
1194	PHẠM CHÍ VŨ	THẮNG	19	1	1994				Tiền Giang	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03211		VT	VT	VT		HCM01178	
1195	PHẠM MẠNH	THẮNG	20	4	1987				Quảng Ninh	Đại học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HCM03212		55.00	73.75	70.00		HCM01179	
1196	PHAN ĐÌNH	THẮNG	22	6	1981				Xã Hùng Tiến, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình	Đại học Quốc gia TPHCM - Khoa Kinh tế	Kinh tế học		HCM03214		97.50	73.75	77.50		HCM01180	
1197	TRẦN PHƯƠNG	THẮNG	7	10	1991				Hà Nam	Đại học Ngân hàng Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03215		42.50	58.75	67.50		HCM01181	
1198	TRẦN QUANG	THẮNG	8	9	1980				Hải Dương	Đại học Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính ngân hàng		HCM03216		60.00	MT	82.50		HCM01182	
1199	TRẦN XUÂN	THẮNG	29	7	1983				Hải Phòng	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03217		90.00	55.00	70.00		HCM01183	
1200	ĐÀO THỊ LỆ	THANH				25	4	1994	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Kế toán		HCM03220		75.00	58.75	65.00		HCM01184	
1201	ĐINH TRÚC	THANH				28	4	1986	Vĩnh Ngươn, Châu Đốc, An Giang	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03221		VT	VT	VT		HCM01185	
1202	ĐỖ DUY	THANH	16	4	1992				Cà Mau	Đại học Kinh Tế TPHCM	Tài chính công		HCM03222		50.00	62.50	65.00		HCM01186	
1203	LÊ PHƯƠNG	THANH				7	3	1990	Phú Thọ	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TpHCM	Kế toán		HCM03230		82.50	71.25	72.50		HCM01187	
1204	LƯU THỊ	THANH				6	8	1992	Thái Bình	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03238		70.00	58.75	62.50		HCM01188	
1205	MAI THÁI	THANH	27	5	1992				Quang Thiện - Kim Sơn - Ninh Bình	Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03239		70.00	53.75	77.50		HCM01189	
1206	NGUYỄN ĐỨC THOẠI	THANH				5	4	1981	Tiền Giang	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03242		55.00	55.00	67.50		HCM01190	
1207	NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG	THANH				27	10	1990	An Giang	Đại học Hùng Vương TP.HCM	Kế toán		HCM03244		72.50	55.00	77.50		HCM01191	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1208	NGUYỄN THỊ	THANH				3	7	1993	Thôn 3, xã Hà Phú, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TP.HCM	Ngân hàng		HCM03249		85.00	65.00	77.50		HCM01192
1209	NGUYỄN THỊ KIM	THANH				20	11	1992	Thành Phố Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán		HCM03251		87.50	60.00	85.00		HCM01193
1210	NGUYỄN THỊ THIÊN	THANH				9	7	1983	Lâm Đồng	Đại học Tài Chính - Marketing	Kế toán		HCM03253		70.00	46.25	62.50		HCM01194
1211	PHẠM THỊ	THANH				28	8	1987	Thái Bình	Đại học Tài Chính - Marketing	Kế toán		HCM03260		82.50	75.00	75.00		HCM01195
1212	PHAN PHƯƠNG	THANH				17	2	1986	Tiền Giang	Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03262		65.00	55.00	75.00		HCM01196
1213	TRẦN THỊ CẨM	THANH				10	10	1992	Thừa Thiên Huế	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03267		67.50	53.75	65.00		HCM01197
1214	TRƯƠNG THỊ	THANH				15	10	1990	Ninh Bình	Đại học CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HỒ CHÍ MINH	Quản trị kinh doanh		HCM03271		80.00	77.50	80.00		HCM01198
1215	VŨ THỊ	THANH				30	10	1986	Xã Tam Sơn, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03274		VT	VT	VT		HCM01199
1216	BẠCH DUY	THÀNH	17	6	1986				Thừa Thiên Huế	Đại học Bách Khoa TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03275		55.00	55.00	70.00		HCM01200
1217	HÀ THỊ	THÀNH				10	12	1985	Bắc Giang	Đại học Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HCM03276		VT	VT	VT		HCM01201
1218	HỒ THỊ	THÀNH				2	6	1992	Nghệ An	Đại học Qui Nhơn	Kế toán		HCM03277		VT	VT	VT		HCM01202
1219	LAI VẠN	THÀNH	1	4	1990				Trung Quốc	Đại học University of Sunderland	Tài chính ngân hàng		HCM03278		70.00	MT	60.00		HCM01203
1220	LÊ NGUYỄN HỒNG	THÀNH				6	11	1990	Hưng Yên	Đại học Tài chính - Marketing TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03279		VT	VT	VT		HCM01204
1221	NGUYỄN LÊ SINH	THÀNH	2	12	1992				Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM03283		42.50	33.75	60.00		HCM01205
1222	NGUYỄN VŨ THÁI	THÀNH	11	1	1992				Thái Bình	Đại học Đại Học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM03288	20	VT	VT	VT		HCM01206
1223	NGUYỄN XUÂN	THAO	25	7	1984				Vĩnh Phúc	Đại học SOUTHERN LUZON STATE	Quản trị kinh doanh		HCM03292		70.00	MT	60.00		HCM01207
1224	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO				4	10	1993	QUẢNG NAM	Đại học TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03317		77.50	47.50	70.00		HCM01210
1225	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THẢO				5	6	1991	Trà Cú - Trà Vinh	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh quốc tế		HCM03345		85.00	70.00	65.00		HCM01223
1226	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO				20	10	1984	Bình Phước	Đại học Kinh Tế TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03364		75.00	47.50	57.50		HCM01231
1227	ĐẶNG THỊ HIẾU	THẢO				12	5	1988	Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		HCM03304		VT	VT	VT		HCM01208
1228	DƯƠNG THANH	THẢO	17	11	1989				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		HCM03313		45.00	43.75	47.50		HCM01209
1229	HOÀNG THỊ NGỌC	THẢO				2	2	1989	Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03318		75.00	41.25	70.00		HCM01211
1230	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	THẢO				19	5	1991	TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM03319		VT	VT	VT		HCM01212
1231	HOÀNG THỊ THU	THẢO				16	10	1992	Hà Nội	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03321		VT	VT	VT		HCM01213
1232	HUỖNH LÊ THANH	THẢO				30	10	1987	Tân Hiệp – Châu Thành – Tiền Giang	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		HCM03322		75.00	37.50	80.00		HCM01214
1233	HUỖNH NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO				14	12	1987	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03324		77.50	47.50	65.00		HCM01215
1234	KHÚC THỊ THU	THẢO				1	7	1990	Thái Bình	Đại học Mở Tp. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03326		62.50	52.50	62.50		HCM01216
1235	LÊ THỊ THANH	THẢO				16	11	1991	An Giang	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM03333		62.50	51.25	72.50		HCM01217
1236	LƯU NGỌC PHƯƠNG	THẢO				15	11	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Tp.HCM	Kinh tế		HCM03336		67.50	58.75	82.50		HCM01218

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1237	MAI THỊ THU	THẢO				20	12	1991	thừa thiên huế	Đại học Công Nghệ Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		HCM03339		72.50	48.75	72.50		HCM01219
1238	NGÔ BÍCH	THẢO				22	4	1984	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03340		57.50	70.00	75.00		HCM01220
1239	NGÔ THANH	THẢO				13	9	1987	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03341		82.50	MT	MT		HCM01221
1240	NGÔ THỊ MINH	THẢO				21	12	1986	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03343		57.50	45.00	55.00		HCM01222
1241	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO				1	10	1993	Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính Marketing	Thuế		HCM03346		VT	VT	VT		HCM01224
1242	NGUYỄN LÊ THỊ	THẢO				24	3	1984	Quảng Trị	Đại học Kinh Tế TPHCM	Thương mại		HCM03347		VT	VT	VT		HCM01225
1243	NGUYỄN LÊ THU	THẢO				30	8	1991	Hoài hảo, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Kinh Tế Luật TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03348		VT	VT	VT		HCM01226
1244	NGUYỄN MINH	THẢO				7	2	1992	Bình Thuận	Đại học Mở TP. HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03349		70.00	52.50	60.00		HCM01227
1245	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO				6	10	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính công	Con TB	HCM03353	20	50.00	63.75	65.00		HCM01228
1246	NGUYỄN THANH	THẢO				8	3	1979	Tiền Giang	Đại học Công nghiệp thực phẩm Tp. HCM	Kế toán		HCM03355		57.50	45.00	50.00		HCM01229
1247	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO				14	1	1985	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03361		65.00	41.25	60.00		HCM01230
1248	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO				4	12	1993	Hải Dương	Đại học Tài chính-Marketing	Thuế		HCM03371		VT	VT	VT		HCM01232
1249	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO				7	6	1993	Quảng Bình	Đại học Công nghiệp thực phẩm Tp.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM03370		82.50	61.25	77.50		HCM01234
1250	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO				28	9	1986	Hà Tây	Đại học Ngoại Thương TP HCM	Kinh tế đối ngoại		HCM03365		35.00	32.50	50.00		HCM01233
1251	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO				25	1	1994	Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Mở Tp.HCM	Tài chính		HCM03373		45.00	76.25	60.00		HCM01235
1252	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO				18	5	1991	Xã Quốc Tuấn, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh Tế Luật - ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM03381		VT	VT	VT		HCM01236
1253	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO				29	8	1990	Phú Xuyên - Hà Nội	Đại học Sài Gòn	Kế toán	Con TB	HCM03380	20	80.00	52.50	60.00		HCM01237
1254	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO				2	2	1985	Nam Định	Đại học Kinh tế TP.HCM	Ngoại thương		HCM03379		VT	VT	VT		HCM01238
1255	PHẠM THỊ THU	THẢO				7	1	1993	Hà Tĩnh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM03383		67.50	58.75	65.00		HCM01239
1256	PHAN THỊ THANH	THẢO				20	4	1990	Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03384		72.50	65.00	57.50		HCM01240
1257	PHÙNG NGỌC	THẢO				15	5	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03385		VT	VT	VT		HCM01241
1258	TRẦN PHƯƠNG	THẢO				2	6	1981	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Mở TP HCM	Kế toán		HCM03387		VT	VT	MT		HCM01242
1259	TRẦN NGỌC	THẢO				14	10	1983	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03389		VT	VT	VT		HCM01243
1260	TRẦN PHƯƠNG	THẢO				20	5	1994	Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		HCM03397		65.00	36.25	70.00		HCM01244
1261	TRẦN THỊ	THẢO				15	3	1991	Hà Tĩnh	Đại học VINH	Luật		HCM03399		70.00	31.25	55.00		HCM01245
1262	TRẦN THỊ	THẢO				21	4	1987	PHÚ YẾN	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán		HCM03398		VT	VT	VT		HCM01246
1263	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO				24	5	1986	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Công Nghệ Thông Tin Gia Định	Kế toán		HCM03400		82.50	MT	75.00		HCM01247
1264	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO				11	7	1993	Thành phố Buôn Ma Thuột	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03403		72.50	37.50	52.50		HCM01248
1265	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO				2	6	1989	Nam Trung - Nam Đàn - Nghệ An - Việt Nam	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03401		97.50	75.00	75.00		HCM01249
1266	TRƯƠNG THANH	THẢO				10	10	1987	Đồng Tháp	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		HCM03408		75.00	67.50	57.50		HCM01250
1267	VÕ THỊ NGỌC	THẢO				12	2	1994	Bình Định	Đại học Văn Lang	Kế toán		HCM03410		75.00	50.00	62.50		HCM01251

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1268	VŨ THỊ THU	THẢO				7	12	1987	Hồng Quang - Thanh Miện - Hải Dương	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03412		VT	VT	VT		HCM01252
1269	VŨ THỊ	THÊU				21	6	1991	Tỉnh Nam Định	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán		HCM03418		90.00	71.25	85.00		HCM01254
1270	CHƯƠNG THỊ MỸ	THỊ				26	1	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Trường ĐH CNTT Gia Định	Tài chính ngân hàng		HCM03420		52.50	46.25	75.00		HCM01255
1271	PHAN THỊ KIM	THỊ				15	11	1982	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Tp.HCM	Kinh tế luật		HCM03426		VT	VT	VT		HCM01256
1272	TRẦN HUỖNH ANH	THỊ				8	4	1995	Vĩnh Long	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài Chính Công		HCM03427		80.00	65.00	72.50		HCM02114
1273	TRƯƠNG NGUYỄN THUẬN	THỊ	18	5	1982				Long An	Đại học Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03429		55.00	43.75	65.00		HCM01257
1274	ĐẠNG MINH	THIỆN	15	4	1989				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghệ TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03434		70.00	51.25	70.00		HCM01258
1275	NGUYỄN THỌ	THIỆN	18	6	1993				Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM03436		80.00	71.25	77.50		HCM01259
1276	CAO THỊ	THIỆT				4	5	1989	Diễn Nguyên, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con BB	HCM03439	20	55.00	61.25	70.00		HCM01260
1277	LƯU THỊ	THÌN				5	8	1988	Gia Phú, Bình Dương, Gia Bình, Bắc Ninh	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM03441		VT	VT	VT		HCM01261
1278	ĐỖ NGUYỄN	THỊNH	30	3	1989				Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM03442		VT	VT	VT		HCM01262
1279	LÊ ĐỨC	THỊNH	15	3	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh		HCM03445		VT	VT	VT		HCM01263
1280	NGUYỄN VĂN	THỊNH	30	4	1990				Đội 4, Thọ Thành, yên Thành Nghệ An	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính nhà nước		HCM03448		VT	VT	VT		HCM01264
1281	HUỖNH THANH TRÚC	THƠ				22	1	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kinh tế bất động sản		HCM03454		60.00	53.75	72.50		HCM01265
1282	NGÔ ANH	THƠ	19	7	1989				Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TPHCM	QTKD		HCM03457		42.50	53.75	62.50		HCM02113
1283	NGUYỄN QUỲNH	THƠ				5	12	1990	TỈNH BẮC NINH	Đại học Mở TP. HCM	Luật Kinh tế		HCM03459		VT	VT	VT		HCM01266
1284	NGUYỄN NGỌC	THỌ	27	9	1983				Kiên Giang	Đại học Ngoại thương cơ sở 2, TP.HCM	Kinh tế đối ngoại		HCM03467		57.50	41.25	42.50		HCM01267
1285	HUỖNH KIM	THOÀ				2	11	1982	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Mở Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03469		72.50	65.00	65.00		HCM01268
1286	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ				7	9	1989	Nghệ An	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con BB	HCM03473	20	40.00	41.25	MT		HCM01269
1287	PHẠM THỊ KIM	THOÀ				25	2	1988	Bến Tre	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HCM03477		62.50	47.50	55.00		HCM01270
1288	NGUYỄN THỊ KIM	THOẠI				17	8	1987	An Cơ, Châu Thành, Tây Ninh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ		HCM03480		VT	VT	VT		HCM01271
1289	TRẦN	THOÀN	22	6	1983				DỨC THỌ - HÀ TĨNH	Đại học trường đại học công đoàn	Quản trị kinh doanh		HCM03482		40.00	27.50	35.00		HCM01272
1290	PHAN THỊ	THÔI				21	6	1989	Trưởng Cầu, Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kế toán		HCM03485		82.50	50.00	75.00		HCM01273
1291	NGUYỄN THỊ	THƠM				2	5	1989	Nghệ An	Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Luật		HCM03488		VT	VT	VT		HCM01275
1292	NGUYỄN THỊ	THƠM				17	8	1978	THÁI BÌNH	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng	Con TB	HCM03487	20	72.50	MT	55.00		HCM01274
1293	PHẠM THỊ	THƠM				21	3	1979	Thái Bình	Đại học Lương Thế Vinh	Kế toán doanh nghiệp		HCM03489		VT	VT	VT		HCM01276
1294	PHẠM DIỄN	THÔNG	28	10	1992				Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		HCM03497		57.50	58.75	75.00		HCM01277
1295	PHAN PHÚ	THÔNG	9	11	1987				TP. Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03498		VT	VT	VT		HCM01278
1296	PHÙNG NHỰT	THÔNG	15	7	1979				Long An	Đại học TÔN ĐỨC THẮNG	Kế toán - Kiểm toán		HCM03499		72.50	35.00	65.00		HCM01279
1297	TRẦN NGUYỄN	THÔNG	17	11	1990				Gia Lai	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03500		VT	VT	VT		HCM01280
1298	TRẦN TRỌNG	THÔNG	10	6	1987				Hạp Lĩnh, Tiên Sơn, Bắc Ninh	Đại học Kinh Tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03501		65.00	60.00	70.00		HCM01281

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1299	ĐÀO THANH	THU				3	10	1990	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		HCM03505		80.00	50.00	62.50		HCM01282
1300	HỒ THỊ NGUYỆT	THU				14	6	1987	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03507		77.50	41.25	70.00		HCM01283
1301	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU				26	8	1990	Tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03515		77.50	43.75	75.00		HCM01284
1302	NGUYỄN THỊ LINH	THU				2	11	1991	Nghệ An	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM03516		VT	VT	VT		HCM01285
1303	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU				20	10	1985	Hải Dương	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HCM03518		VT	VT	VT		HCM01286
1304	TẠ THỊ PHƯƠNG	THU				30	4	1992	Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03520		47.50	42.50	72.50		HCM01287
1305	TRẦN MINH	THU				2	9	1989	Hưng Yên	Đại học Ngân Hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03521		87.50	73.75	67.50		HCM01288
1306	TRẦN THỊ BÍCH	THU				23	9	1989	Bình Thuận	Đại học KINH TẾ TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03524		VT	VT	VT		HCM01289
1307	VŨ THỊ HƯƠNG	THU				4	11	1988	Nam Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM03529		55.00	57.50	65.00		HCM01290
1308	CÁI THỊ MINH	THU'				29	6	1987	Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		HCM03531		65.00	35.00	55.00		HCM01291
1309	ĐỖ HOÀNG ANH	THU'				17	9	1993	Tây Ninh	Đại học Công nghệ TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03533		VT	VT	VT		HCM01292
1310	LÂM ANH	THU'				28	8	1981	VĨNH LONG	Đại học Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03540		67.50	32.50	50.00		HCM01293
1311	LÊ HẢI MINH	THU'				19	3	1984	Hà Nội	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		HCM03541		67.50	62.50	62.50		HCM01294
1312	NGUYỄN THANH	THU'				18	12	1992	Quảng Trị	Đại học Nha Trang	Kế toán		HCM03560		82.50	80.00	82.50		HCM01295
1313	NGUYỄN THỊ ANH	THU'				18	9	1990	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03562		55.00	53.75	75.00		HCM01296
1314	NGUYỄN THỊ MINH	THU'				4	1	1994	Bình Thuận	Đại học Luật TpHCM	Kinh tế luật		HCM03566		47.50	61.25	60.00		HCM01298
1315	NGUYỄN THỊ MINH	THU'				6	3	1992	Hải Dương	Đại học Hùng Vương TP.HCM	Quản trị tài chính		HCM03564		65.00	66.25	62.50		HCM01297
1316	NGUYỄN TRẦN NGỌC	THU'				23	8	1991	32a/2 Phan Chu Trinh, TDP Lộc Hòa, Phường Cam Lộc, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Đại học Văn Lang	Kế toán		HCM03567		VT	VT	VT		HCM01299
1317	PHẠM THỊ ANH	THU'				10	7	1992	Đồng Nai	Đại học Hoa Sen	Tài chính ngân hàng		HCM03569		85.00	68.75	70.00		HCM01300
1318	PHAN THỊ ANH	THU'				27	9	1994	287 ấp Mỹ Thạnh xã Hòa Định huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính công		HCM03571		77.50	67.50	57.50		HCM01301
1319	TÔ HUỖNH ANH	THU'				4	12	1990	Tiền Giang	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03573		40.00	68.75	67.50		HCM01302
1320	TÔ THỊ ANH	THU'				14	12	1988	Thái Bình	Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03574		92.50	48.75	65.00		HCM01303
1321	HOÀNG VĂN	THU	18	7	1984				Hoàng Thái- Hoàng Hóa- Thanh Hóa	Đại học Quốc Gia Tp.Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin quản lý		HCM03580		VT	VT	VT		HCM01304
1322	LÊ ĐỨC	THUẬN	8	1	1989				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03586		47.50	33.75	50.00		HCM01305
1323	LÊ THỊ BÍCH	THUẬN				8	9	1990	Gia Lai	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03587		VT	VT	VT		HCM01306
1324	LƯƠNG THỊ KIM	THUẬN				4	7	1983	Nghệ An	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế tài chính ngân hàng		HCM03589		82.50	63.75	72.50		HCM01307
1325	NGUYỄN HỮU	THUẬN	17	6	1985				Huyện Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03590		72.50	33.75	75.00		HCM01308
1326	NGUYỄN HUỖNH BÀ	THUẬN	8	6	1990				thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đà Lạt	Luật		HCM03591		50.00	32.50	55.00		HCM01309
1327	NGUYỄN NGỌC	THUẬN				4	9	1988	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03592		VT	VT	VT		HCM01310
1328	TRẦN VINH	THUẬN	9	6	1994				Vĩnh Long	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03601		75.00	57.50	77.50		HCM01311

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1329	TRẦN	THỰC	10	8	1991				Tỉnh Nghệ An	Học viện Học Viện Tài Chính	Thuế		HCM03602		90.00	60.00	70.00		HCM01312
1330	BÙI MINH	THƯƠNG				16	9	1984	Xã Hòa Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03605		77.50	73.75	77.50		HCM01313
1331	CÁP THỊ HOÀI	THƯƠNG				31	1	1986	Bắc Ninh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03606		67.50	71.25	62.50		HCM01314
1332	HUỲNH THỊ KIỀU	THƯƠNG				16	10	1991	Hành Thịnh, Nghĩa Hành	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03608		VT	VT	VT		HCM01315
1333	LÊ THỊ MINH	THƯƠNG				8	2	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03611		65.00	78.75	75.00		HCM01316
1334	LỖ THỊ HUYỀN	THƯƠNG				10	10	1992	Thanh Sơn - Phú Thọ	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán	DTTS	HCM03612	20	70.00	51.25	62.50		HCM01317
1335	NGUYỄN LÊ	THƯƠNG	4	4	1985				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03614		VT	VT	VT		HCM01318
1336	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG				27	11	1988	Bình Dương	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03618		60.00	45.00	52.50		HCM01319
1337	TRỊNH THỊ	THƯƠNG				10	11	1980	HẢI DƯƠNG	Đại học HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	Kế toán		HCM03621		45.00	31.25	57.50		HCM01320
1338	VÕ THỊ BÍCH	THƯƠNG				7	8	1994	Bình Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM03623		92.50	65.00	82.50		HCM01321
1339	PHẠM THỊ CẨM	THƯỜNG				3	9	1983	Vĩnh Long	Đại học Hồng Bàng	Tài chính doanh nghiệp		HCM03624		60.00	48.75	60.00		HCM01322
1340	LÊ MINH	THƯƠNG	9	2	1991				Long An	Đại học Công Nghệ Đồng Nai	Kế toán	HTNVQS	HCM03625	10	62.50	33.75	52.50		HCM01323
1341	HOÀNG LÊ THUÝ	THUÝ				19	11	1991	Lâm Đồng	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM03629		VT	VT	VT		HCM01324
1342	TRỊNH THỊ	THUÝ				17	2	1989	Bình Dương	Đại học Đại học Kinh Tế - Luật	Luật Tài chính - ngân hàng - chứng khoán		HCM03632		90.00	60.00	75.00		HCM01325
1343	NGUYỄN THỊ THANH	THUÝ				24	2	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03641		37.50	42.50	52.50		HCM01326
1344	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG	THUÝ				21	5	1986	Đồng Tháp	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03646		62.50	48.75	55.00		HCM01327
1345	ĐOÀN THỊ THANH	THUÝ				2	1	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Luật		HCM03647		57.50	47.50	72.50		HCM01328
1346	HỒ PHÙNG ĐIỂM	THUÝ				1	11	1987	Tiền Giang	Đại học Tài Chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM03650		50.00	55.00	60.00		HCM01329
1347	LÊ THỊ PHƯƠNG	THUÝ				9	7	1990	TP HCM	Đại học Mở TP HCM	Kế toán		HCM03654		60.00	63.75	62.50		HCM01330
1348	NGUYỄN THỊ	THUÝ				28	1	1994	Thanh Đồng - Thanh Chương - Nghệ An	Đại học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh tế		HCM03659		55.00	35.00	17.50		HCM01331
1349	NGUYỄN THỊ MINH	THUÝ				27	7	1987	Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HCM03660		VT	VT	VT		HCM01332
1350	PHẠM THỊ	THUÝ				9	3	1984	Thái Bình	Đại học TÀI CHÍNH MARKETING	Kế toán		HCM03662		VT	VT	VT		HCM01333
1351	TRẦN THỊ THANH	THUÝ				22	1	1976	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03667		25.00	37.50	35.00		HCM01335
1352	TRƯƠNG THỊ THANH	THUÝ				5	3	1985	Mỹ Châu, Phú Mỹ, Bình Định	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03669		75.00	52.50	75.00		HCM01336
1353	ĐỖ PHƯƠNG	THUÝ				3	7	1981	Quảng Nam	Đại học Thương Mại	Kế toán		HCM03672		VT	VT	VT		HCM01337
1354	LÝ THANH	THUÝ				11	9	1992	Hà Nội	Đại học Trường Đại Học Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh (Hutech)	Quản trị kinh doanh		HCM03674		72.50	65.00	77.50		HCM01338
1355	MAI PHẠM VIỆT	THUÝ				4	5	1992	Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03675		VT	VT	VT		HCM01339
1356	NGUYỄN THỊ MỘNG	THUÝ				12	11	1981	Tiền Giang	Đại học Ngân hàng Tp.HCM	Tài chính tín dụng		HCM03678		VT	VT	VT		HCM01340
1357	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THUÝ				8	10	1992	ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đại học Kinh Tế Tp HCM	Tài chính		HCM03679		60.00	33.75	67.50		HCM01341
1358	NGUYỄN THỊ THIÊN	THUÝ				20	11	1988	Xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.	Trường Đại học Công Nghiệp Tp.Hồ Chí Minh	Kiểm toán		HCM03682		60.00	36.25	47.50		HCM02104

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1359	PHẠM THỊ	THÙY				10	5	1987	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03684		85.00	58.75	70.00		HCM01342
1360	BÙI THỊ LỆ	THÙY				7	7	1990	Liên Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03689		VT	VT	VT		HCM01343
1361	BÙI THỊ THU	THÙY				3	5	1988	Nghệ An	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03691		VT	VT	VT		HCM01345
1362	BÙI THỊ THU	THÙY				19	2	1984	Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM03690		VT	VT	VT		HCM01344
1363	DƯ THỊ LỆ	THÙY				17	8	1987	Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học Kỹ thuật Công Nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03693		70.00	60.00	60.00		HCM01346
1364	HỒ THANH	THÙY				9	5	1991	Tiền Giang	Đại học Công nghiệp TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03694		62.50	70.00	70.00		HCM01347
1365	LÂM HOÀNG TRÚC	THÙY				17	10	1989	thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03696		90.00	71.25	65.00		HCM01348
1366	LÊ THANH	THÙY				5	7	1984	Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03699		67.50	72.50	52.50		HCM01349
1367	LÊ THỊ HỒNG	THÙY				5	12	1992	Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		HCM03700		62.50	48.75	72.50		HCM01350
1368	NGUYỄN NGỌC	THÙY				11	6	1979	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03702		VT	VT	VT		HCM01351
1369	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÙY				2	11	1982	TPHCM	Đại học KINH TẾ TPHCM	Kế toán		HCM03706		VT	VT	VT		HCM01353
1370	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÙY				27	9	1973	Thôn 3, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú thọ	Đại học Học Viện Tài Chính	Tài chính ngân hàng		HCM03705		47.50	32.50	50.00		HCM01352
1371	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÙY				20	10	1987	Long An	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		HCM03707		72.50	38.75	72.50		HCM01354
1372	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY				21	6	1992	Quảng Ngãi	Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03708		90.00	68.75	90.00		HCM01355
1373	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY				25	10	1985	Tiền Giang	Đại học Trường Đại học Kinh Tế Tp. HCM	Kế toán		HCM03709		VT	VT	VT		HCM01356
1374	NGUYỄN THỊ THU	THÙY				16	11	1985	Bắc Ninh	Đại học Ngân hàng Tp HCM	Tài chính tín dụng		HCM03712		VT	VT	VT		HCM01358
1375	NGUYỄN THỊ THU	THÙY				28	11	1977	Ấn Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định	Đại học Kinh tế Tp. HCM	Kế toán		HCM03711		VT	VT	VT		HCM01357
1376	PHẠM THỊ THU	THÙY				3	6	1989	Thừa Thiên Huế	Đại học Ngoại Thương Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03716		52.50	56.25	70.00		HCM01359
1377	PHAN THỊ LỆ	THÙY				25	6	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03717		67.50	51.25	75.00		HCM01360
1378	PHÙNG THỊ THU	THÙY				7	3	1989	Cao Bằng	Đại học Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM03718		75.00	62.50	82.50		HCM01361
1379	TRẦN MAI	THÙY				5	10	1991	dong nai	Đại học Quốc Tế, Đại Học Quốc Gia HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03719		VT	MT	VT		HCM01362
1380	TRẦN THỊ	THÙY				26	2	1991	Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật Kinh doanh		HCM03720		VT	VT	VT		HCM01363
1381	TRẦN THỊ THANH	THÙY				4	7	1992	thành phố Hồ Chí Minh	Đại học SÀI GÒN	Quản trị kinh doanh		HCM03722		40.00	48.75	55.00		HCM01364
1382	ĐOÀN NGUYỄN LAN	THY				31	12	1993	Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Luật - Đại Học Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế		HCM03725		80.00	83.75	80.00		HCM01365
1383	MAI ĐỖ PHƯƠNG	THY				23	1	1994	Tỉnh Bình Dương	Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương	Tài chính ngân hàng		HCM03726		60.00	46.25	70.00		HCM01366
1384	NGUYỄN HUỖNH XUÂN	THY				30	11	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Dân lập Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		HCM03727		82.50	62.50	67.50		HCM01367
1385	VŨ ĐÌNH	THY	24	7	1991				Hà Tây	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		HCM03731		97.50	66.25	72.50		HCM02107
1386	VŨ HOÀNG MAI	THY				23	10	1990	Hưng Yên	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM03732		70.00	47.50	62.50		HCM01368
1387	HỒ THÙY	TIỀN				21	7	1986	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán		HCM03735		92.50	65.00	75.00		HCM01369
1388	LÊ NGỌC THÙY	TIỀN				15	1	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM03738		72.50	61.25	57.50		HCM01370

ngân

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1389	LÊ NGUYỄN MỸ	TIỀN				29	11	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán		HCM03739		VT	VT	VT		HCM01371
1390	LÊ THANH THỦY	TIỀN				25	11	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		HCM03740		65.00	50.00	50.00		HCM01372
1391	LÊ THỊ CẨM	TIỀN				17	4	1994	Tiền Giang	Đại học Kinh tế- Luật	Kinh tế học		HCM03742		VT	VT	VT		HCM01373
1392	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	TIỀN				2	1	1992	Thành phố Đà Lạt	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán		HCM03747		52.50	38.75	52.50		HCM01374
1393	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIỀN				10	2	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM03750		75.00	55.00	67.50		HCM01375
1394	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIỀN				16	11	1982	Vĩnh Long	Đại học Đại học ngân hàng tp.HCM	Tài chính - Ngân hàng		HCM03755		50.00	31.25	65.00		HCM01376
1395	PHẠM THỊ NGỌC	TIỀN				15	3	1993	Thành phố Kon Tum	Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP HCM	Kế toán		HCM03760		47.50	50.00	62.50		HCM01377
1396	PHAN KIỀU	TIỀN				8	9	1986	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		HCM03761		47.50	28.75	45.00		HCM01378
1397	TRỊNH THỊ THÙY	TIỀN				29	10	1992	Xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh tế - Luật, thành phố Hồ Chí Minh	Luật Dân sự		HCM03767		VT	VT	VT		HCM01379
1398	ĐINH HÙNG	TIỀN	28	4	1983				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Tài chính nhà nước		HCM03768		85.00	63.75	82.50		HCM01380
1399	DƯƠNG MINH	TIỀN	16	8	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản lý kinh doanh		HCM03769		72.50	51.25	67.50		HCM01381
1400	LÊ HÀ HỒNG	TIỀN	6	12	1983				Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính nhà nước		HCM03770		60.00	VT	VT		HCM01382
1401	LƯƠNG ANH	TIẾN	25	5	1989				Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Đại học quốc tế RMIT	Thương mại	DTTS	HCM03773	20	72.50	MT	70.00		HCM01383
1402	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	5	4	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03775		VT	VT	VT		HCM01384
1403	NGUYỄN TRỌNG	TIẾN	13	6	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế T.HCM	Tài chính nhà nước		HCM03778		62.50	53.75	75.00		HCM01385
1404	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	22	9	1994				Tứ kỳ, Hải Dương	Đại học Ngân Hàng Tp.HCM	Kế toán		HCM03780		VT	VT	VT		HCM01386
1405	PHAN ANH	TIẾN	29	4	1992				Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		HCM03783		92.50	76.25	87.50		HCM01387
1406	TRẦN MINH	TIẾN	8	3	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Kế toán		HCM03784		87.50	53.75	85.00		HCM01388
1407	ĐẶNG THỊ KIM	TIỀN				31	8	1988	Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03787		70.00	65.00	85.00		HCM01389
1408	NGUYỄN THỊ	TIỀN				6	10	1994	Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Công Nghiệp - TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03788		VT	VT	VT		HCM01390
1409	NGUYỄN THỊ THANH	TIỀN				1	2	1993	Phường Phú Lâm, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HCM03790		VT	VT	VT		HCM01391
1410	BÙI MINH	TIẾT				27	7	1982	Xã Hòa Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kinh tế tài chính ngân hàng		HCM03792		52.50	32.50	57.50		HCM01392
1411	ĐINH CAO	TÍN	18	9	1992				Ninh Bình	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03794		60.00	40.00	72.50		HCM01393
1412	NGUYỄN ĐỨC	TÍN	7	8	1983				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Tp.HCM	Kế toán		HCM03796		52.50	68.75	72.50		HCM01394
1413	NGUYỄN THỊ	TÌNH				27	12	1992	Thành phố Hải Dương	Đại học Hải Dương	Tài chính ngân hàng		HCM03799		VT	VT	VT		HCM01395
1414	BÙI ANH	TOÀN	14	4	1993				Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03807		42.50	42.50	70.00		HCM01396
1415	LÊ NGỌC	TOÀN	28	2	1985				BÌNH ĐỊNH	Đại học NGÂN HÀNG	Tài chính ngân hàng		HCM03810		VT	VT	VT		HCM01397
1416	LÊ VĂN	TOÀN	20	3	1986				Bình Định	Đại học CÔNG NGHIỆP TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03812		67.50	42.50	67.50		HCM01398
1417	NGUYỄN NHỰT	TOÀN	5	2	1994				Tiền Giang	Đại học Tài Chính - Marketing	Thuế		HCM03814		62.50	60.00	67.50		HCM01399
1418	NGUYỄN TRỌNG	TOÀN	16	7	1990				Hà Nam	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		HCM03817		80.00	68.75	MT		HCM02105
1419	LÊ NGỌC	TOÀN	19	12	1991				Nam Định	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán		HCM03824		97.50	70.00	87.50		HCM01400
1420	NGUYỄN NGỌC	TỚI	21	11	1978				Hiệp Mỹ Tây, Cầu Ngang, Trà Vinh	Đại học ĐH Tài chính - Marketting	Tài chính ngân hàng		HCM03827		52.50	36.25	60.00		HCM01401
1421	HỒ THỊ PHƯƠNG	TRÀ				12	5	1987	QUẢNG NGÃI	Đại học KINH TẾ TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03828		VT	VT	VT		HCM01402
1422	NGUYỄN THỊ	TRÀ				19	5	1988	Hà Nội	Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03829		85.00	63.75	72.50		HCM01403

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1423	ĐỖ THỊ	TRÂM				6	10	1990	Đồng La- Đồng Hưng- Thái Bình	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Kế toán		HCM03835		VT	VT	VT		HCM01404
1424	ĐỖ THỊ CÁT	TRÂM				18	11	1987	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03836		57.50	72.50	MT		HCM01405
1425	ĐOÀN NGỌC BẢO	TRÂM				13	9	1989	TP. Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ TP.HCM	Kế toán		HCM03837		VT	VT	VT		HCM01406
1426	HUỶNH THỊ NGỌC HUYỀN	TRÂM				2	1	1980	Sóc Trăng	Đại học Đà Lạt	Luật học		HCM03840		VT	VT	VT		HCM01407
1427	LÊ NỮ QUỲNH	TRÂM				2	1	1986	Quảng Ngãi	Đại học Đại học Hùng Vương TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03842		60.00	30.00	65.00		HCM01408
1428	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM				6	1	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM03846		70.00	57.50	72.50		HCM01409
1429	MAI HUỶNH NHƯ	TRÂM				5	9	1993	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		HCM03847		70.00	57.50	77.50		HCM01410
1430	NGUYỄN PHAN BÍCH	TRÂM				16	9	1992	Hà Nội	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM03854		57.50	66.25	75.00		HCM01411
1431	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM				12	12	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03857		40.00	43.75	57.50		HCM01413
1432	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM				24	11	1991	Tam Kỳ - Quảng Nam	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Tài chính nhà nước		HCM03856		80.00	57.50	80.00		HCM01412
1433	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM				19	12	1988	KHÁNH HÒA	Đại học TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM	Kế toán		HCM03855		VT	VT	VT		HCM01414
1434	PHẠM THỊ HỒNG	TRÂM				22	1	1988	Đăklăk	Đại học Văn Hiến	Quản trị kinh doanh		HCM03860		85.00	71.25	55.00		HCM01415
1435	PHAN NGỌC BẢO	TRÂM				22	12	1989	Vĩnh Long	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03862		57.50	MT	82.50		HCM01416
1436	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM				6	2	1993	Sơn Hà, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Tp HCM	Tài chính công		HCM03863		VT	VT	VT		HCM01417
1437	TRẦN HƯƠNG	TRÂM				19	12	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Bình Dương	Tài chính ngân hàng		HCM03865		VT	VT	VT		HCM01418
1438	HẠP THỊ NGỌC	TRÂM				29	7	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Tp.HCM	Kế toán		HCM03872		72.50	75.00	62.50		HCM01419
1439	CAO ĐỖ HUYỀN	TRÂN				19	9	1991	Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM	Luật Dân sự		HCM03874		VT	VT	VT		HCM01420
1440	MAI BẢO	TRÂN				7	11	1984	Trung Quốc	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Ngoại thương		HCM03881		40.00	47.50	55.00		HCM01421
1441	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN				15	6	1994	Long An	Đại học Tài Nguyên & Môi Trường TP.HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM03887		62.50	51.25	65.00		HCM01423
1442	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN				25	9	1992	phú yên	Đại học Công Nghệ TP.HCM	Kế toán		HCM03886		VT	VT	VT		HCM01422
1443	PHAN ĐỖ NGỌC	TRÂN				21	4	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Công Nghệ Tp.Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03893		70.00	32.50	65.00		HCM01424
1444	BẠCH NGUYỄN ĐOAN	TRANG				25	2	1979	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03900		62.50	65.00	65.00		HCM01425
1445	BÙI HÀ	TRANG				31	1	1993	ĐỒNG NAI	Đại học KINH TẾ- LUẬT	Tài chính ngân hàng		HCM03901		52.50	67.50	72.50		HCM01426
1446	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG				30	8	1991	Thị Trấn Cồn - Hải Hậu - Nam Định	Đại học Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM03902		42.50	32.50	40.00		HCM01427
1447	BÙI THỊ THẢO	TRANG				10	8	1993	Long An	Đại học Văn Lang	Kế toán		HCM03903		60.00	48.75	67.50		HCM01428
1448	CAM MINH THỦY	TRANG				24	8	1989	Long An	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		HCM03906		57.50	35.00	45.00		HCM01429
1449	CAO XUÂN HUYỀN	TRANG				7	5	1987	Nhơn Hưng, An Nhơn, Bình Định	Đại học Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh - Khoa Kinh	Luật Thương mại quốc tế		HCM03908		67.50	66.25	52.50		HCM01430
1450	CHIÊM KIỀU	TRANG				11	4	1983	BẠC LIÊU	Đại học VĂN LANG	Quản trị kinh doanh		HCM03909		VT	VT	VT		HCM01431
1451	ĐINH THỊ HUYỀN	TRANG				23	12	1988	Thăng Bình - Quảng Nam	Đại học Mở TpHCM	Kinh tế học		HCM03913		VT	VT	VT		HCM01432
1452	DƯƠNG THỊ	TRANG				2	7	1989	Hải Dương	Đại học Tài Chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM03919		VT	VT	VT		HCM01433
1453	HOÀNG THỊ HỒNG	TRANG				18	8	1994	Quảng Bình	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính		HCM03923		VT	VT	VT		HCM01434
1454	HOÀNG THỊ THU	TRANG				22	12	1989	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh Tế Tp. HCM	Hệ thống thông tin quản lý		HCM03924		45.00	57.50	52.50		HCM01435

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1455	HUỖNH THỊ KIỀU	TRANG				13	8	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế trực thuộc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM03930		VT	MT	VT		HCM01436
1456	HUỖNH THỊ THANH	TRANG				19	2	1980	TPHCM	Đại học Kinh Tế TPHCM	Kế toán		HCM03934		VT	VT	VT		HCM01437
1457	LÊ THỊ HẠNH	TRANG				17	1	1986	Long An	Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM03942		82.50	70.00	77.50		HCM01438
1458	LÊ THỊ HỒNG	TRANG				3	11	1983	QUẢNG NGÃI	Đại học KINH TẾ TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03943		VT	VT	VT		HCM01439
1459	LÊ THỊ MỸ	TRANG				16	3	1991	Mỹ Tho - Phú Mỹ - Bình Định	Đại học Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM	Kế toán		HCM03944		VT	VT	VT		HCM01440
1460	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG				23	8	1993	Quảng Bình	Đại học Duy Tân	Tài chính ngân hàng		HCM03946		65.00	38.75	50.00		HCM01441
1461	LÊ TRẦN NGỌC	TRANG				2	2	1985	Long An	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03951		82.50	45.00	72.50		HCM01442
1462	NGÔ NHƯ'	TRANG				1	1	1990	Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Ngoại thương		HCM03953		62.50	82.50	60.00		HCM01443
1463	NGÔ THỊ THÚY	TRANG				5	7	1994	Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính		HCM03956		55.00	52.50	62.50		HCM02121
1464	NGUYỄN ĐOÀN HUYỀN	TRANG				12	8	1993	Thạch Xuân - Thạch Hà - Hà Tĩnh	Đại học Ngân hàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM03958		VT	VT	VT		HCM01444
1465	NGUYỄN NGỌC	TRANG				16	5	1988	Bến Tre	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03964		57.50	MT	65.00		HCM01445
1466	NGUYỄN NGỌC ĐOÀN	TRANG				16	9	1993	Bắc Ninh	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Tài chính		HCM03965		77.50	72.50	80.00		HCM01446
1467	NGUYỄN THỊ	TRANG				14	5	1994	Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng (Bảo hiểm)		HCM03969		85.00	65.00	70.00		HCM01447
1468	NGUYỄN THỊ HOÀNG	TRANG				9	11	1989	Thái Bình	Đại học Hùng Vương	Tài chính ngân hàng		HCM03972		VT	VT	VT		HCM01448
1469	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG				10	9	1993	Liên Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03979		VT	VT	VT		HCM01451
1470	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG				13	8	1991	Đồng Nai	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		HCM03976		67.50	67.50	67.50		HCM01452
1471	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG				30	1	1991	Nghệ An	Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		HCM03975		87.50	71.25	70.00		HCM01450
1472	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG				25	3	1990	Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM03974		VT	VT	VT		HCM01449
1473	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG				21	11	1991	Nam Định	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Kế Toán ngân hàng		HCM03985		90.00	75.00	77.50		HCM01453
1474	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG				15	4	1990	Duy Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh Tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		HCM03984		VT	VT	VT		HCM01454
1475	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				20	4	1992	Thái Bình	Đại học Học Viện Ngân Hàng	Kế toán		HCM03995		VT	VT	VT		HCM01458
1476	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				10	11	1990	Ninh Bình	Đại học Kinh tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM03992		VT	VT	VT		HCM01456
1477	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				27	9	1989	TP.Quy Nhon, Bình Định	Đại học Quy Nhon	Tài chính ngân hàng		HCM03990		67.50	63.75	67.50		HCM01455
1478	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				25	9	1987	Hưng Yên	Đại học La Trobe	Phân tích tài chính		HCM03988		VT	MT	VT		HCM01460
1479	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				3	9	1987	Đồng Tháp	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03989		VT	VT	VT		HCM01459
1480	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				17	9	1982	TPHCM	Đại học Dân Lập Hùng Vương	Quản trị kinh doanh		HCM03987		70.00	47.50	62.50		HCM01457
1481	NGUYỄN THỊ THƯ'	TRANG				20	1	1986	KHÁNH HÒA	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM03996		VT	VT	VT		HCM01461
1482	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG				23	10	1993	Quảng Bình	Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		HCM03999		82.50	63.75	75.00		HCM01462

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1483	NGUYỄN THU	TRANG				24	4	1994	Hà Nội	Đại học Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HCM04000		VT	VT	VT		HCM01463
1484	NGUYỄN THÙY	TRANG				27	11	1993	Hải Dương	Đại học Tài chính- Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04001		97.50	75.00	80.00		HCM01464
1485	NGUYỄN THỤY MỸ	TRANG				4	4	1984	VĨNH LONG	Đại học NGÂN HÀNG TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04003		70.00	60.00	70.00		HCM01465
1486	PHẠM THỊ	TRANG				27	1	1992	Thái Bình	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM04005		90.00	73.75	77.50		HCM01466
1487	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG				17	4	1989	Quảng Bình	Học viện Tài Chính	Tài chính ngân hàng		HCM04007		75.00	63.75	65.00		HCM01467
1488	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG				20	8	1983	Bình chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Mở TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04012		47.50	MT	52.50		HCM01468
1489	PHAN THỊ NHƯ'	TRANG				29	9	1989	Hà Tĩnh	Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		HCM04014		87.50	68.75	80.00		HCM01469
1490	PHAN THỊ THÙY	TRANG				12	12	1991	Lâm Đồng	Đại học Nông lâm TP.HCM	Quản trị kinh doanh thương mại		HCM04016		VT	VT	VT		HCM01470
1491	PHÙNG THỊ HIỀN	TRANG				24	2	1992	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM04017		60.00	73.75	62.50		HCM01471
1492	TRẦN NGUYỄN THÙY	TRANG				2	10	1984	KIẾN XƯ'ONG, THÁI BÌNH	Đại học Ngân Hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04023		50.00	50.00	60.00		HCM01472
1493	TRẦN THỊ	TRANG				17	3	1990	Xã Đình Chu, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Tài Chính	Tài chính ngân hàng		HCM04025		80.00	45.00	77.50		HCM01474
1494	TRẦN THỊ	TRANG				22	8	1988	Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Tp HCM	Kế toán		HCM04024		67.50	58.75	62.50		HCM01473
1495	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TRANG				22	12	1988	Hà Tĩnh	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Kinh tế tài chính ngân hàng		HCM04031		90.00	76.25	67.50		HCM01475
1496	TRINH THỊ ĐOÀN	TRANG				12	9	1993	Vĩnh Long	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM04037		30.00	52.50	62.50		HCM01476
1497	TRỊNH VĂN	TRANG	5	5	1988				Nam Định	Đại học Công Nghệ Sài Gòn	Quản trị tài chính		HCM04038		62.50	57.50	80.00		HCM01477
1498	VÕ THỊ THU	TRANG				2	12	1972	Bình Định	Đại học Đại học kinh Tế TP HCM	Kế toán		HCM04043		VT	VT	VT		HCM01478
1499	HOÀNG CAO	TRÍ	13	11	1989				Hà Lai, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế Luật- ĐHQG TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04051		75.00	37.50	65.00		HCM01479
1500	LÂM XƯ'ONG	TRÍ	7	9	1992				An Giang	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM04052		75.00	68.75	80.00		HCM01480
1501	LÊ MINH	TRÍ	19	8	1986				Hà Tĩnh	Đại học Học Viện Tài Chính	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM04053	20	42.50	47.50	60.00		HCM01481
1502	NGUYỄN TRỌNG	TRIỆU	24	12	1980				Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM04067		VT	VT	VT		HCM01482
1503	BÙI QUỐC	TRIỆU	10	10	1987				Quảng nam	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM04069		65.00	32.50	67.50		HCM01483
1504	ĐOÀN QUANG	TRIỆU	3	7	1991				NAM ĐỊNH	Đại học KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	Tài chính doanh nghiệp		HCM04070		VT	VT	VT		HCM01484
1505	HỒ	TRIỆU	24	11	1992				phú yên	Đại học Kinh Tế Tp HCM	Ngân hàng		HCM04072		VT	VT	VT		HCM01485
1506	BÙI THỊ THÙY	TRINH				16	1	1983	An Giang	Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		HCM04074		52.50	38.75	57.50		HCM01486
1507	ĐÌNH TRINH NGÂN	TRINH				13	1	1992	Quảng Nam	Đại học Ngân Hàng TP. HCM	Quản trị kinh doanh		HCM04077		67.50	53.75	60.00		HCM01487
1508	HỒ THỊ MỸ	TRINH				5	11	1992	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học HÙNG VƯ'ONG	Kế toán		HCM04079		70.00	50.00	67.50		HCM01488
1509	HUỲNH BẢO	TRINH				15	8	1992	Bình Dương	Đại học Đại học Hoa Sen	Kế toán		HCM04080		VT	VT	VT		HCM01489
1510	MAI THỊ TÚ	TRINH				22	2	1990	Bạc Liêu	Đại học Tài Chính - Marketing	Quản trị kinh doanh		HCM04087		VT	VT	VT		HCM01490
1511	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRINH				3	11	1988	Quảng Nam	Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Luật học		HCM04090		VT	VT	VT		HCM01492
1512	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRINH				25	12	1985	Tiền Giang	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM04089		VT	VT	VT		HCM01491
1513	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH				31	8	1991	Long An	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính nhà nước		HCM04094		VT	VT	VT		HCM01493
1514	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH				26	6	1994	Huyện cần Giở, TP Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04100		VT	VT	VT		HCM01496

ngân

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1515	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH				26	12	1993	Thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Luật TP.HCM	Luật Quốc tế		HCM04099		VT	VT	VT		HCM02119
1516	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH				11	2	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		HCM04098		90.00	77.50	75.00		HCM01495
1517	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH				27	12	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính doanh nghiệp		HCM04096		VT	MT	VT		HCM01494
1518	PHẠM HỒNG THU	TRINH				29	7	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Thông Tin Gia Định	Kế toán		HCM04105		67.50	57.50	52.50		HCM01497
1519	PHAN THỊ TUYẾT	TRINH				28	7	1987	ấp Phú Thạnh xã Phú Đức huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Đại học Đại Học Cửu Long	Kế toán		HCM04107		55.00	31.25	62.50		HCM01498
1520	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH				29	1	1992	Nghệ An	Đại học Công Nghiệp TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04116		55.00	71.25	67.50		HCM01499
1521	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH				17	9	1993	Thanh Hoá	Đại học Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM04117		VT	VT	VT		HCM01500
1522	TRƯƠNG THỊ TÚ	TRINH				29	7	1994	Thừa Thiên - Huế	Đại học Tài Chính - Marketing	Ngân hàng		HCM04119		82.50	71.25	80.00		HCM01501
1523	VƯƠNG THỊ KIỀU	TRINH				3	1	1992	Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính ngân hàng		HCM04120		67.50	73.75	72.50		HCM01502
1524	LƯƠNG QUỐC	TRỌNG	12	2	1991				Thành phố HỒ Chí Minh	Đại học Tài Chính Marketing	Kế toán tài chính ngân hàng		HCM04125		77.50	63.75	67.50		HCM01503
1525	HÀ THANH	TRÚC				20	5	1992	Bình Định	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán		HCM04131		72.50	68.75	67.50		HCM01504
1526	HUỖNH THANH	TRÚC				6	5	1987	TP. Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM04134		62.50	55.00	67.50		HCM01505
1527	LÊ THỊ THANH	TRÚC				1	10	1992	Long An	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản trị		HCM04137		VT	VT	VT		HCM01506
1528	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC				16	4	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài chính - Marketing Tp.HCM	Thuế		HCM04139		82.50	78.75	75.00		HCM01507
1529	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC				19	10	1991	Hải Dương	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		HCM04140		80.00	36.25	72.50		HCM01508
1530	NGUYỄN THANH	TRÚC				29	10	1990	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		HCM04142		45.00	53.75	52.50		HCM01509
1531	NGUYỄN THUỶ THANH	TRÚC				9	6	1993	Long An	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04147		VT	VT	VT		HCM01510
1532	NGUYỄN TRANG THIÊN	TRÚC				20	5	1994	Thái Bình	Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04148		VT	VT	VT		HCM01511
1533	TRẦN NHƯ'	TRÚC				19	6	1990	Bạc Liêu	Đại học ĐH Mở TP.HCM	Kế toán		HCM04153		77.50	51.25	72.50		HCM01512
1534	TRẦN THỊ THANH	TRÚC				21	5	1993	TP Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04154		60.00	67.50	72.50		HCM01513
1535	BÙI ĐỨC	TRUNG	30	4	1991				Long An	Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04156		VT	VT	VT		HCM01514
1536	ĐÀO LÊ MINH	TRUNG	29	12	1993				Tphcm	Đại học Công Nghệ Sài Gòn	Quản trị tài chính		HCM04158		70.00	63.75	65.00		HCM01515
1537	HOÀNG THẾ	TRUNG	2	1	1989				Yên Khang, Ý Yên, Nam Định	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		HCM04161		VT	VT	VT		HCM01516
1538	LÊ DANH	TRUNG	5	3	1990				Thanh Hóa	Đại học Kinh Tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM04162		90.00	67.50	85.00		HCM01517
1539	LÊ VĂN NGỌC	TRUNG	12	9	1985				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04163		62.50	32.50	52.50		HCM01518
1540	MAI QUANG	TRUNG	18	7	1990				xã Đông Vĩnh, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Đại học Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HCM04165		65.00	MT	65.00		HCM01519
1541	PHAN PHƯỚC QUỐC	TRUNG	7	2	1992				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04173		70.00	50.00	67.50		HCM01520
1542	TÔ QUANG	TRUNG	3	1	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04174		VT	VT	VT		HCM01521
1543	TRẦN QUANG MINH	TRUNG	30	5	1990				Long An	Đại học Tài Chính Marketing	Quản trị kinh doanh		HCM04177		80.00	68.75	80.00		HCM01522
1544	TRẦN VĂN THANH	TRUNG	3	12	1983				Đà Nẵng	Đại học kinh tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM04178		55.00	40.00	62.50		HCM01523

hgt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1545	VÕ QUANG	TRUNG	30	5	1989				Thiên Lộc- Can Lộc- Hà Tĩnh	Đại học Điện Lực	Kế toán		HCM04180		32.50	37.50	52.50		HCM01524
1546	VƯƠNG ĐÌNH	TRUNG	12	5	1994				Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại học Tài chính marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04182		55.00	48.75	52.50		HCM01525
1547	LÝ MINH	TRƯỜNG	1	7	1983				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Quản trị		HCM04185		50.00	28.75	50.00		HCM01526
1548	NGUYỄN THẾ	TRƯỜNG	30	8	1993				Tiền Giang	Đại học Lincoln University	Quản trị kinh doanh		HCM04193		75.00	53.75	62.50		HCM01527
1549	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	25	6	1988				Hà Tĩnh	Học viện Ngân Hàng	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM04194	20	50.00	47.50	52.50		HCM01528
1550	PHAN THANH	TRƯỜNG	26	10	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh (Quản trị nhân lực)		HCM04198		VT	VT	VT		HCM01529
1551	TRẦN DUYỄN THIÊN	TRƯỜNG	18	12	1991				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HCM04199		50.00	42.50	52.50		HCM01530
1552	VŨ THẾ	TRƯỜNG	12	9	1993				Tứ Cường, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Hải Dương	Kế toán		HCM04201		VT	VT	VT		HCM01531
1553	HUỲNH THỊ THANH	TRUYỀN				15	2	1992	Tiền Giang	Đại học Công Nghiệp Tp. HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04202		72.50	61.25	75.00		HCM01532
1554	BÙI THANH	TÚ	26	6	1984				Vĩnh Long	Đại học Tài Chính Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04204		57.50	33.75	65.00		HCM01533
1555	DƯƠNG KHẢ	TÚ				9	5	1983	Sóc Trăng	Đại học Đại Học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		HCM04208		77.50	51.25	72.50		HCM01534
1556	LÊ THỊ CẨM	TÚ				20	10	1994	TIỀN GIANG	Đại học Tài Chính - Marketing	Thuế		HCM04215		VT	VT	VT		HCM01536
1557	LÊ THỊ CẨM	TÚ				20	11	1988	Phú Mỹ Hưng huyện Củ Chi tp.HCM	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP.HCM	Kế toán		HCM04213		VT	VT	VT		HCM01535
1558	NGUYỄN ANH	TÚ	17	8	1983				Bà Rịa Vũng Tàu	Đại học Tài Chính Marketting TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM04219		60.00	40.00	MT		HCM01537
1559	NGUYỄN QUANG	TÚ	7	6	1991				HCM	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04224		VT	VT	VT		HCM01538
1560	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ				1	1	1993	Bắc Ninh	Đại học Sài Gòn	Luật Thương mại quốc tế		HCM04231		62.50	36.25	62.50		HCM01539
1561	NGUYỄN THỊ MỸ	TÚ				5	12	1985	Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04233		37.50	40.00	57.50		HCM01540
1562	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ				17	1	1993	TP Hà Nội	Đại học Công nghiệp TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04234		VT	VT	VT		HCM01541
1563	PHẠM THANH	TÚ	3	9	1993				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương	Tài chính ngân hàng		HCM04236		35.00	67.50	65.00		HCM01542
1564	TRẦN KHẮC	TÚ	17	3	1994				Bến Tre	Đại học Tài Chính - Marketing	Nghiệp vụ thuế		HCM04239		87.50	70.00	85.00		HCM01543
1565	VÕ HOÀNG	TÚ	29	12	1988				Long An	Đại học Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	Tài chính kế toán		HCM04243		VT	MT	VT		HCM01544
1566	VŨ THANH	TÚ				29	1	1986	Hà Nội	Đại học Khoa học Ứng dụng và Nghệ thuật Tây Bắc Thụy Sĩ	Tài chính ngân hàng		HCM04247		VT	MT	VT		HCM01545
1567	ĐOÀN VIỆT	TUÂN	1	6	1993				Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngoại Thương cơ sở 2	Tài chính quốc tế		HCM04249		67.50	67.50	70.00		HCM01547
1568	TRỊNH ĐÌNH	TUÂN	12	2	1981				Thanh Hóa	Đại học Quốc Gia Tp. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04251		67.50	71.25	72.50		HCM01548
1569	BỘ XUÂN	TUÂN	29	9	1981				Hưng Yên	Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	Luật học	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM04253	20	VT	VT	VT		HCM01549
1570	ĐOÀN THANH	TUÂN	28	2	1993				HẢI DƯƠNG	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04255		92.50	47.50	75.00		HCM01550
1571	HÀ ANH	TUÂN	10	10	1991				Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HCM04257		VT	VT	VT		HCM01551
1572	HỒ QUỐC	TUÂN	13	4	1991				Thanh hoá	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04258		62.50	26.25	45.00		HCM01552
1573	LÊ QUÍ ANH	TUÂN	1	1	1992				Kiến Thành, Chợ Mới, An Giang	Đại học Kinh tế - Tài chính	Tài chính ngân hàng		HCM04263		67.50	61.25	60.00		HCM01553

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1574	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	26	11	1980				Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán		HCM04267		75.00	MT	75.00		HCM01554
1575	NGUYỄN VIỆT ANH	TUẤN	3	2	1988				Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		HCM04274		55.00	48.75	52.50		HCM01555
1576	PHẠM NGỌC	TUẤN	16	6	1984				Quảng Ninh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		HCM04275		87.50	61.25	70.00		HCM01556
1577	PHAN ANH	TUẤN	26	3	1990				Hà Tĩnh	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM04279		85.00	58.75	62.50		HCM01557
1578	TRẦN QUỐC	TUẤN	21	10	1985				Hà Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		HCM04281		VT	VT	VT		HCM01558
1579	VŨ MẠNH	TUẤN	30	4	1992				Lạng Sơn	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04283		67.50	60.00	70.00		HCM01559
1580	HỨA MẠNH	TÙNG	18	7	1991				Lạng sơn	Đại học Thương Mại	Quản trị kinh doanh tổng hợp	DTTS	HCM04287	20	45.00	38.75	62.50		HCM01560
1581	KIM NGỌC	TÙNG	3	6	1984				Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học University of Wales	Tài chính ngân hàng		HCM04289		67.50	MT	82.50		HCM01561
1582	LŨ THANH	TÙNG	9	8	1989				Bến Tre	Đại học Mở TPHCM	Kế toán	HTNVQS	HCM04292	10	57.50	58.75	72.50		HCM01562
1583	NGUYỄN GIANG THANH	TÙNG	15	10	1981				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học kinh Tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04294		47.50	33.75	45.00		HCM01563
1584	NGUYỄN THANH	TÙNG	29	5	1975				Thái Bình	Đại học BK Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HCM04297		55.00	MT	47.50		HCM01564
1585	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	26	10	1992				Thành phố Hải Phòng	Đại học Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HCM04303		65.00	76.25	57.50		HCM01565
1586	NGUYỄN THỊ	TUOI				13	11	1989	Ứng Hòa – Hà Tây	Đại học Mở TP HCM	Kế toán		HCM04306		VT	VT	VT		HCM01566
1587	LÊ VINH	TƯỜNG	5	2	1978				Cần Thơ	Đại học Dân lập Kỹ Thuật Công Nghệ	Quản trị kinh doanh		HCM04311		52.50	46.25	62.50		HCM01567
1588	PHAN NGUYỄN PHƯỚC	TƯỜNG	24	12	1991				thành phố Hồ Chí Minh	Đại học AMITY	Quản trị kinh doanh	Con AHLĐ	HCM04312	20	57.50	MT	65.00		HCM01568
1589	TRẦN MINH	TƯỜNG	11	1	1983				Long An	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04313		72.50	46.25	65.00		HCM01569
1590	NGUYỄN ĐAN	TUYÊN	2	5	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM04315		72.50	72.50	85.00		HCM01570
1591	TÓNG ĐÌNH	TUYÊN	20	2	1993				Hà Nam	Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04317		77.50	38.75	57.50		HCM01571
1592	TRẦN PHAN	TUYÊN	30	10	1989				Hà Nam	Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04318		65.00	51.25	82.50		HCM01572
1593	TRẦN THỊ	TUYẾN				22	3	1993	Vĩnh Phúc	Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04322		75.00	41.25	67.50		HCM01573
1594	LÊ THỊ KIM	TUYÊN				20	1	1986	Đồng Nai	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04334		VT	VT	VT		HCM01574
1595	LÊ THỊ THANH	TUYÊN				12	1	1988	Long An	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Kinh tế		HCM04335		70.00	66.25	75.00		HCM01575
1596	MAI THỊ THANH	TUYÊN				2	2	1989	Thôn Bàn Thới, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế - Luật	Tài chính ngân hàng		HCM04339		75.00	66.25	62.50		HCM01576
1597	NGUYỄN THANH	TUYÊN				23	12	1990	Tỉnh Vĩnh Long	Đại học Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		HCM04345		57.50	41.25	50.00		HCM01577
1598	NGUYỄN THỊ THANH	TUYÊN				1	10	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học CNTT Gia Định	Kế toán		HCM04349		70.00	36.25	67.50		HCM01578
1599	TRẦN THỊ	TUYÊN				30	6	1992	Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính ngân hàng		HCM04354		75.00	62.50	77.50		HCM01579
1600	TRẦN THỊ THANH	TUYÊN				26	1	1992	Long An	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04361		VT	VT	VT		HCM01580
1601	TRẦN THỊ THANH	TUYÊN				15	3	1988	BÌNH DƯƠNG	Đại học TÀI CHÍNH - MARKETING	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HCM04359	20	82.50	45.00	72.50		HCM01581
1602	TRẦN THỊ THANH	TUYÊN				6	3	1984	Tiền Giang	Đại học Bán công Marketing	Quản trị kinh doanh		HCM04356		VT	VT	VT		HCM01582
1603	TRỊNH PHƯƠNG	TUYÊN				17	11	1993	Sóc Trăng	Đại học Kinh Tế tp. Hồ Chí Mlnh	Tài chính ngân hàng	DTTS	HCM04363	20	VT	VT	VT		HCM01583
1604	MAI THỊ ÁNH	TUYẾT				20	10	1984	Quảng Bình	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		HCM04368		60.00	36.25	65.00		HCM01584

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1605	NGUYỄN THỊ	TUYẾT				3	2	1990	Hải Quang, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán		HCM04370		57.50	38.75	70.00		HCM01586
1606	NGUYỄN THỊ	TUYẾT				28	3	1988	Quảng Ngãi	Đại học Luật Tp.HCM	Luật		HCM04369		75.00	63.75	75.00		HCM01585
1607	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT				27	12	1990	Tỉnh Ninh Thuận	Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04373		VT	VT	VT		HCM01587
1608	TRẦN THỊ	TUYẾT				8	4	1986	Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04377		VT	VT	VT		HCM01588
1609	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT				29	5	1982	ĐỒNG THÁP	Đại học Công Nghệ Tp.HCM	Kế toán		HCM04378		77.50	42.50	57.50		HCM01589
1610	ĐẶNG TỎ	UYÊN				15	7	1991	Trà Vinh	Đại học HÙNG VƯƠNG TP.HCM	Kế toán		HCM04386		85.00	65.00	67.50		HCM01590
1611	LÂM HỒ PHƯƠNG	UYÊN				18	8	1991	Long Sơn - Phú Tân - An Giang	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP. Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM04389		VT	VT	VT		HCM01591
1612	LÊ THỊ PHƯƠNG	UYÊN				25	12	1989	Đức Thắng, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM04391		77.50	63.75	70.00		HCM01592
1613	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	UYÊN				1	10	1989	Châu Thành A, Hậu Giang	Đại học Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		HCM04394		VT	VT	VT		HCM01593
1614	NGUYỄN THẢO	UYÊN				24	11	1992	Hải Phòng	Đại học Kinh Tế TP HCM	Tài chính nhà nước		HCM04396		75.00	57.50	60.00		HCM01594
1615	NGUYỄN THỊ DIỆU	UYÊN				27	4	1993	Thanh Dương, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Văn Lang	Kế toán		HCM04397		47.50	40.00	40.00		HCM01595
1616	NGUYỄN THU TÚ	UYÊN				23	12	1994	Phú Yên	Đại học KINH TẾ- LUẬT	Tài chính ngân hàng		HCM04400		72.50	80.00	65.00		HCM01596
1617	PHẠM THỊ THANH	UYÊN				30	4	1987	Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM04402		VT	VT	VT		HCM01597
1618	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN				15	11	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế - Luật (ĐH Quốc gia TP.HCM)	Kinh tế quản lý công		HCM04404		62.50	53.75	65.00		HCM01598
1619	TRƯƠNG NGỌC THẢO	UYÊN				25	4	1988	Hà Nam	Đại học Công nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM04406		60.00	52.50	52.50		HCM01599
1620	ĐẶNG THỊ BÍCH	VÂN				4	8	1986	Bình Định	Đại học Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		HCM04410		70.00	MT	70.00		HCM01600
1621	ĐẶNG THỊ MINH	VÂN				5	5	1983	Hà Tĩnh	Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04411		65.00	53.75	62.50		HCM01601
1622	DƯƠNG THỊ THU	VÂN				28	3	1985	Thành phố hồ chí minh	Đại học Nông Lâm TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM04412		62.50	43.75	60.00		HCM01602
1623	HÀ THỊ MỘNG	VÂN				16	12	1984	QUẢNG NAM	Đại học HỒNG BÀNG	Kế toán - Kiểm toán		HCM04413		77.50	43.75	62.50		HCM01603
1624	HỒ Y	VÂN	13	8	1985				Lộc Đông - Quế Lộc - Nông Sơn - Quảng Nam	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM04415		VT	VT	VT		HCM02122
1625	HOÀNG THỊ THANH	VÂN				1	1	1985	Nam Định	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HCM04417		VT	VT	VT		HCM01604
1626	HOÀNG THỊ THÚY	VÂN				9	7	1991	Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kiểm toán		HCM04418		VT	VT	VT		HCM02100
1627	HOÀNG THÚY	VÂN				13	3	1993	Ngân Sơn- Bắc Kạn	Đại học Luật TP.HCM	Luật Dân sự	DTTS	HCM04419	20	72.50	50.00	57.50		HCM01605
1628	LÊ THỊ	VÂN				28	2	1987	Thành Kim - Thạch Thành - Thanh Hóa	Đại học Lao Động - Xã Hội	Kế toán		HCM04421		VT	VT	VT		HCM01606
1629	LÊ THÚY HẢI	VÂN				26	3	1990	Thanh Hóa	Đại học Hùng Vương TP.HCM	Kế toán		HCM04424		70.00	55.00	62.50		HCM01607
1630	LỮ THỊ THÙY	VÂN				24	2	1989	xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Kinh tế vận tải biển		HCM04425		VT	VT	VT		HCM01608
1631	NGÔ THỊ ÁI	VÂN				6	5	1988	Đắc Lắc	Đại học Kinh Tế - Luật	Luật Kinh doanh		HCM04428		VT	VT	VT		HCM01609
1632	NGUYỄN ÁI	VÂN				23	9	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kỹ Thuật Công nghệ TPHCM	Kế toán		HCM04429		57.50	MT	72.50		HCM01610
1633	NGUYỄN HOÀNG	VÂN				16	12	1993	Thành Phố Quảng Ngãi	Đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04431		70.00	55.00	72.50		HCM01611
1634	NGUYỄN LÂM CẨM	VÂN				4	4	1986	Đồng tháp	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính ngân hàng		HCM04432		75.00	56.25	65.00		HCM01612
1635	NGUYỄN THỊ	VÂN				18	12	1993	Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04435		VT	VT	VT		HCM01614

nght

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1636	NGUYỄN THỊ	VÂN		-		19	2	1990	Bạc Ninh	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM04434		VT	VT	VT		HCM01613
1637	NGUYỄN THỊ ÁNH	VÂN				1	8	1992	Hải Lý, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Kinh Tế Tp. HCM	Tài chính công		HCM04436		82.50	55.00	67.50		HCM01615
1638	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN				13	1	1983	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04441		VT	MT	VT		HCM01616
1639	NGUYỄN THỊ LÊ ANH	VÂN				1	1	1992	Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đại học Đà Nẵng phân hiệu tại Kon Tum	Kế toán		HCM04442		82.50	55.00	77.50		HCM01617
1640	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN				16	8	1991	Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh Tế TP HCM	Kế toán		HCM04445		67.50	58.75	70.00		HCM01618
1641	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN				14	10	1990	Quảng Ngãi	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM04443		50.00	61.25	55.00		HCM01619
1642	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN				28	1	1991	Khánh Hòa	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính ngân hàng		HCM04446		VT	VT	VT		HCM01620
1643	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN				23	12	1993	Quảng Phước, Quảng Điện, Thừa Thiên Huế	Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04450		60.00	41.25	62.50		HCM01622
1644	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN				20	5	1989	Quảng Bình	Đại học Mở	Tài chính ngân hàng		HCM04448		42.50	27.50	45.00		HCM01623
1645	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN				19	11	1987	Long An	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán		HCM04447		VT	VT	VT		HCM01621
1646	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN				29	10	1990	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học Mở Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04451		85.00	86.25	87.50		HCM01624
1647	PHẠM THANH	VÂN				10	10	1992	Nghệ An	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HCM04455		57.50	70.00	67.50		HCM01625
1648	TÔ THỊ THÚY	VÂN				24	10	1985	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học DL Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM04461	20	72.50	61.25	80.00		HCM01626
1649	TRẦN THỊ THUỶ	VÂN				1	7	1989	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán		HCM04466		VT	VT	VT		HCM01627
1650	TRẦN THÚY	VÂN				21	8	1991	Cần Lộc - Hà Tĩnh	Đại học Đại học Công Nghiệp TP. HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04468		67.50	71.25	80.00		HCM01628
1651	TRANG PHƯƠNG	VÂN				21	9	1990	campuchia	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật		HCM04469		70.00	81.25	70.00		HCM01629
1652	VĂN THỊ	VÂN				22	2	1989	xã Quảng Hải-huyện Quảng Xương-tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04470		77.50	71.25	85.00		HCM01630
1653	VĂN THỊ NGUYỆT	VÂN				24	5	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương	Quản trị kinh doanh		HCM04471		82.50	50.00	77.50		HCM01631
1654	VÕ NGỌC THÙY	VÂN				15	1	1983	tiền giang	Đại học Tôn Đức Thắng, Tp. HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04472		67.50	51.25	57.50		HCM01632
1655	VÕ THỊ	VÂN				3	12	1990	Quảng Ngãi	Đại học Quốc tế Bắc Hà	Tài chính ngân hàng		HCM04473		VT	VT	VT		HCM01633
1656	VÕ THỊ QUỲNH	VÂN				13	12	1989	Bình Định	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý		HCM04477		VT	VT	VT		HCM01634
1657	VÕ THỊ THU	VÂN				24	1	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Ngân hàng TP HCM	Kế toán		HCM04479		72.50	61.25	82.50		HCM01635
1658	VÕ TƯỜNG	VÂN				1	1	1990	Phong Thạnh, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Đại Học Tây Đô	Kế toán		HCM04480		60.00	42.50	60.00		HCM01636
1659	ĐẶNG ĐỨC	VĂN	11	5	1991				Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học WESTERN SYDNEY UNIVERSITY	Quản trị kinh doanh		HCM04481		72.50	MT	85.00		HCM01637
1660	NGUYỄN MAI	VĂN	10	1	1990				Hải Phòng	Đại học Ngân Hàng Tp.Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM04483	20	70.00	57.50	50.00		HCM01638
1661	TRẦN CÔNG	VĂN	1	4	1974				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		HCM04484		VT	VT	VT		HCM01639
1662	CẨM PHẠM THÚY	VI				23	11	1980	Thanh Hóa	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM04496		52.50	48.75	67.50		HCM01640
1663	ĐỖ NGỌC TƯỜNG	VI				20	10	1989	Tỉnh Long An	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04497		87.50	62.50	65.00		HCM01641
1664	ĐỖ THỊ THÚY	VI				29	3	1992	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM04498		VT	VT	VT		HCM01642
1665	HỒ THỊ TƯỜNG	VI				25	1	1990	Quảng Nam	Đại học Kinh Tế TP. HCM	Kế toán		HCM04499		67.50	56.25	80.00		HCM01643

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1666	LÊ HÀ	VI				23	10	1990	Thành phố Thanh Hóa	Đại học Hồng Đức	Tài chính - Ngân hàng		HCM04500		VT	VT	VT		HCM01644
1667	LÊ THỊ THẾ	VI				5	6	1978	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Marketing	Quản lý kinh doanh		HCM04501		42.50	33.75	47.50		HCM01645
1668	LÊ THUY TƯỜNG	VI				25	10	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài chính - Marketing TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM04502		70.00	76.25	65.00		HCM01646
1669	LƯU NGUYỄN TƯỜNG	VI				14	2	1993	Cát Thành, Trục Ninh, Nam Định	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán		HCM04503		42.50	33.75	42.50		HCM01647
1670	NGUYỄN THỊ BẢO	VI				25	8	1993	Phù Cừ, Hưng Yên	Đại học Khoa Học Tự Nhiên Liên Kết KEUKA college Hoa Kỳ	Kinh doanh quốc tế		HCM04505		35.00	MT	50.00		HCM01648
1671	NGUYỄN THỊ HÀ	VI				28	12	1992	Hoài Mỹ - Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		HCM04506		62.50	43.75	50.00		HCM01649
1672	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI				24	8	1990	Quảng Nam	Đại học Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM04508		VT	VT	VT		HCM01650
1673	LÊ HỮU	VIÊN	20	9	1990				Tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		HCM04515		67.50	63.75	67.50		HCM01651
1674	TRẦN THỊ LÂM	VIÊN				4	2	1993	PHÙ NINH, PHÚ THỌ	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04517		VT	VT	VT		HCM01652
1675	ĐÀO DUY	VIỆT	16	8	1988				Bắc Giang	Đại học Luật Tp.HCM	Luật học		HCM04518		72.50	62.50	MT		HCM01653
1676	NGUYỄN THÀNH	VIỆT	3	1	1994				Tiền giang	Đại học Kinh tế tp.hcm	Ngân hàng		HCM04519		65.00	68.75	72.50		HCM01654
1677	PHẠM TUẤN	VIỆT	21	1	1979				Huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH HÀ NỘI	Quản lý doanh nghiệp		HCM04522		VT	VT	VT		HCM01655
1678	VŨ QUỐC	VIỆT	25	3	1990				Thị Xã Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	Đại học Công Nghiệp T.p Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM04527		VT	VT	VT		HCM01656
1679	HUỲNH HOÀNG	VINH	22	8	1988				Tp. Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Bolton (Vương Quốc Anh) và Đại Học Ngân Hà	Quản trị kinh doanh		HCM04530		60.00	MT	65.00		HCM01657
1680	HUỲNH NGỌC	VINH	3	5	1981				Đồng Hoà Hiệp, Cái Bè, Tiền Giang	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04531		VT	VT	VT		HCM01658
1681	LÊ VÕ XUÂN	VINH	15	6	1989				Quảng Ngãi	Đại học Dân Lập Lương Thế Vinh	Tài chính ngân hàng		HCM04534		VT	VT	VT		HCM01659
1682	NGUYỄN THANH	VINH	7	1	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Bách Khoa	Quản trị kinh doanh		HCM04536		VT	VT	VT		HCM02120
1683	NGUYỄN THỊ THÚY	VINH				12	8	1992	Phú Yên	Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính		HCM04538		95.00	82.50	80.00		HCM01660
1684	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VINH				22	6	1991	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04539		75.00	55.00	67.50		HCM01661
1685	PHẠM MAI	VINH	17	11	1990				Quy Nhơn, Bình Định	Đại học University of Sunderland	Tài chính ngân hàng		HCM04541		VT	MT	VT		HCM01662
1686	PHAN HUỲNH NHẬT	VINH	7	5	1993				An Nhơn - Bình Định	Đại học Lumphwa Đài Loan	Quản trị kinh doanh		HCM04543		37.50	MT	52.50		HCM01663
1687	TRẦN THẾ	VINH	23	6	1993				Long An	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04545		60.00	55.00	85.00		HCM01664
1688	HÀ NHẬT	VŨ	17	10	1990				Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HCM04547		72.50	70.00	65.00		HCM01665
1689	LÊ HOÀI	VŨ				28	5	1988	Tổ 5 Kim Châu, TT Bình Định, Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học ĐH Nông Lâm TP.HCM	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	HCM04548	20	VT	VT	VT		HCM01666
1690	LÊ MINH	VŨ	27	10	1989				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng Tp.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04549		70.00	28.75	77.50		HCM01667
1691	NGUYỄN ANH	VŨ	22	11	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM04550		85.00	65.00	70.00		HCM01668
1692	NGUYỄN HỮA HOÀNG	VŨ	9	9	1987				Vĩnh Phúc	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM04553		85.00	50.00	62.50		HCM01669
1693	PHAN NGUYỄN THANH	VŨ	8	11	1993				Quảng Nam,	Đại học Kinh tế - Luật TPHCM	Kinh tế		HCM04556		VT	VT	VT		HCM01670
1694	TRẦN QUANG	VŨ	7	5	1980				Cà Mau	Đại học Ngoại Thương	Kinh doanh quốc tế		HCM04557		VT	VT	VT		HCM01671
1695	TRẦN THANH	VŨ	16	3	1991				Xã Mỹ Cát, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	Đại học Mở Malaysia - OUM	Quản trị kinh doanh		HCM04558		VT	MT	VT		HCM01672
1696	ĐOÀN NHÂN	VU'ONG	12	6	1988				Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản lý kinh doanh		HCM04563		87.50	61.25	82.50		HCM01673

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1697	HỒ LAM	VY				10	2	1994	Cà Mau	Đại học Tài chính- Marketing	Thuế		HCM04567		67.50	75.00	65.00		HCM01674
1698	NGUYỄN ĐÀO TỎ	VY				3	2	1989	Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Đại học Quốc tế Hồng Bàng Tp. HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04569		77.50	67.50	80.00		HCM01675
1699	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY				22	10	1993	Cù Bàn - Duy Châu - Duy Xuyên - Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế		HCM04570		75.00	35.00	62.50		HCM01676
1700	TRẦN THỊ ÁNH	VY				13	8	1992	Xã Tịnh Châu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính công		HCM04578		90.00	67.50	77.50		HCM01677
1701	VÕ TƯỜNG	VY				20	4	1989	Thành phố Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Kế toán		HCM04580		60.00	43.75	65.00		HCM01678
1702	NGUYỄN VĂN	VỸ	25	10	1994				Vĩnh Phúc	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HCM04581		70.00	55.00	67.50		HCM01679
1703	ĐÌNH THỊ	XUÂN				17	9	1985	Nam Định	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		HCM04587		75.00	38.75	70.00		HCM01680
1704	HOÀNG THỊ	XUÂN				10	11	1983	Thanh Hoá	Đại học Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04588		67.50	MT	67.50		HCM01681
1705	NGUYỄN NGỌC VĂN	XUÂN				13	2	1978	Long An	Đại học ĐH kinh tế TP HCM	Quản trị kinh doanh		HCM04590		50.00	35.00	55.00		HCM01682
1706	PHẠM LÊ THANH	XUÂN				17	8	1991	Nam Định	Đại học Công Nghệ Tp.HCM (HUTECH)	Kế toán - Kiểm toán		HCM04594		87.50	71.25	82.50		HCM01683
1707	THÁI THANH	XUÂN	31	7	1992				Quảng Trị	Đại học Mở Tp.HCM	Kế toán		HCM04595		60.00	55.00	77.50		HCM01684
1708	TRẦN ÁNH	XUÂN				15	3	1993	Tiền Giang	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán		HCM04596		VT	VT	VT		HCM01685
1709	TRẦN THỊ THANH	XUÂN				12	1	1988	Phú Yên	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		HCM04599		VT	VT	VT		HCM01686
1710	VY THỊ NGỌC	XUÂN				27	5	1991	Trung Quốc	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	HCM04602	20	72.50	50.00	60.00		HCM01687
1711	NGUYỄN CÔNG	XUÔNG	10	10	1971				XÃ NHỊ THÀNH, HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN	Đại học ĐẠI HỌC MỞ TP HỒ CHÍ MINH	Kế toán		HCM04605		VT	VT	VT		HCM01688
1712	ĐOÀN THỊ	XUYẾN				2	2	1992	Thừa Thiên - Huế	Đại học Hùng Vương tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04611		37.50	40.00	47.50		HCM01689
1713	LÊ ẮN	Ỡ				10	9	1991	Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế TP HCM	Kinh tế học		HCM04618		97.50	63.75	80.00		HCM01690
1714	TRẦN THỊ NHƯ	Ỡ				11	12	1987	Đồng Tháp	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM04624		70.00	56.25	62.50		HCM01691
1715	VÕ THỊ	Ỡ				2	8	1986	Bình Lãnh, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Đại Học Sài Gòn	Kế toán		HCM04626		VT	VT	VT		HCM01692
1716	LÊ HOÀNG	YÊN	25	6	1985				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học International American University	Quản trị kinh doanh - Tài chính kế toán		HCM04627		57.50	MT	55.00		HCM01693
1717	PHẠM NGỌC	YÊN				1	1	1989	Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Kế toán		HCM04629		52.50	35.00	57.50		HCM01694
1718	CAO LINH MỸ	YÊN				5	12	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học OUM	Quản trị kinh doanh		HCM04630		75.00	MT	62.50		HCM01695
1719	CHU THỊ HẢI	YÊN				18	10	1990	Hà Nam	Đại học Hùng Vương TP. HCM	Kế toán		HCM04631		VT	VT	VT		HCM01696
1720	DIỆP THỊ NGÂN	YÊN				28	2	1986	Vĩnh Long	Đại học Ngân Hàng Tp HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04632		VT	VT	VT		HCM01697
1721	DƯƠNG THỊ PHI	YÊN				6	6	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04633		62.50	36.25	70.00		HCM01698
1722	HOÀNG HẢI	YÊN				22	11	1992	Hà Tĩnh	Đại học Giao thông vận tải- cơ sở II	Kế toán doanh nghiệp		HCM04635		67.50	51.25	45.00		HCM01699
1723	NGUYỄN HOÀNG	YÊN				1	2	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Tài chính công		HCM04642		65.00	75.00	67.50		HCM01700
1724	NGUYỄN THỊ HẢI	YÊN				10	10	1990	Hương Thọ - Vũ Quang - Hà Tĩnh	Đại học Hà Tĩnh	Kế toán		HCM04645		VT	VT	VT		HCM01701
1725	NGUYỄN THỊ KIM HẢI	YÊN				9	10	1990	Quảng Ngãi	Đại học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM04648		80.00	40.00	70.00		HCM01702
1726	PHẠM THỊ KIM	YÊN				28	7	1992	Thanh Hóa	Đại học Giao thông vận tải	Kinh tế		HCM04652		VT	VT	VT		HCM01703
1727	PHAN KIM	YÊN				10	3	1987	TP.HCM	Đại học Tài chính-Marketing	Kế toán		HCM04653		67.50	60.00	65.00		HCM01704
1728	TRẦN THỊ MỸ	YÊN				9	9	1989	Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		HCM04657		65.00	43.75	70.00		HCM01705

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1729	TRẦN THỊ NGỌC	YẾN				20	7	1990	Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp	Con NHTĐKC bị NCDHH	HCM04658	20	85.00	56.25	67.50		HCM01706
1730	TRƯƠNG HOÀNG	YẾN				21	9	1983	Bình Minh - Vĩnh Long	Đại học Đại học Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM04660		VT	VT	VT		HCM01707
1731	VÕ KIM	YẾN				21	8	1989	Tây Ninh	Đại học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM04663		85.00	66.25	77.50		HCM01708
1732	VŨ THỊ HẢI	YẾN				22	10	1993	Nam Định	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HCM04666		VT	VT	VT		HCM01709
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	NGÔ ĐỨC	ANH	28	9	1991				Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Đại học Lạc Hồng	Công nghệ thông tin		HCM04668		VT	VT			HCM01710
2	HỒ VĂN	BÁC	14	10	1983				Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Đại học công nghệ Sài Gòn	Tin học	HTNVQS	HCM04672	10	70.00	43.75			HCM01711
3	QUAN TRUNG THÁI	BẢO	7	10	1982				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Mở TP. HCM	Tin học		HCM04674		67.50	67.50			HCM01712
4	TRẦN NGUYỄN	BÌNH	3	9	1990				Tiền Giang	Đại học Mở TPHCM	Khoa học máy tính		HCM04676		VT	VT			HCM01713
5	PHAN THỊ MINH	CHÂU				6	9	1979	Thừa Thiên Huế	Đại học Đại học Sư Phạm Tp. HCM	Tin học		HCM04677		67.50	57.50			HCM01714
6	NGUYỄN HOÀNG MINH	CHÍ	1	1	1990				An Giang	Đại học An Giang	Công nghệ thông tin		HCM04679		67.50	35.00			HCM01715
7	NGUYỄN THỊ HỮU	CHUNG				12	2	1979	Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP.HCM	Đại học Bách Khoa	Kỹ thuật máy tính		HCM04681		82.50	58.75			HCM01716
8	PHAN TRẦN THÀNH	ĐẠT	30	12	1993				Quảng Nam	Đại học Khoa học Tự nhiên Tp.HCM	Điện tử viễn thông		HCM04693		55.00	56.25			HCM01717
9	KIỀU LAN	GIAO				13	1	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Sài Gòn	Tin học		HCM04709		87.50	55.00			HCM01718
10	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	5	10	1990				Tây Ninh	Học viện Công Nghệ BCVT TPHCM	Điện tử viễn thông		HCM04717		VT	VT			HCM01719
11	LÊ MINH	HOÀNG	8	3	1992				Quảng Bình	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Điện tử viễn thông		HCM04719		VT	VT			HCM01720
12	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	16	9	1989				Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Điện tử viễn thông		HCM04737		55.00	36.25			HCM01721
13	NGÔ TRẦN PHƯƠNG	LINH				19	9	1991	xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	Đại học An Giang	Công nghệ thông tin		HCM04741		VT	VT			HCM01722
14	MAI HẠ	LONG	17	12	1989				Xã Yên Mô, huyện Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình	Học viện Đại học Mở Hà Nội	Công nghệ thông tin		HCM04747		90.00	77.50			HCM01723
15	TRẦN HỮU	NAM	15	11	1987				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TP HCM	Điện tử viễn thông		HCM04757		57.50	66.25			HCM01724
16	NGUYỄN HOÀI	NGHĨA	17	4	1989				Hà Tây	Đại học Tôn Đức Thắng	Khoa học máy tính		HCM04759		72.50	61.25			HCM01725
17	HUYỀN PHAN MINH	NGỌC				10	1	1989	Tiền Giang	Đại học Tôn Đức Thắng	Tin học		HCM04761		55.00	43.75			HCM01726
18	NGUYỄN NGỌC KHÔI	NGUYỄN	29	11	1989				Lâm Đồng	Đại học Đại Học Công Nghệ TP HCM	Hệ thống thông tin		HCM04764		70.00	46.25			HCM01727
19	TÔ NGUYỄN NHẬT	NGUYỄN	14	3	1985				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng TP.HCM	Công nghệ thông tin		HCM04765		72.50	38.75			HCM01728
20	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	17	8	1985				VĨNH LONG	Đại học ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TPHCM	Công nghệ thông tin		HCM04769		VT	VT			HCM01729
21	TRẦN THỊ TUYẾT	NHUNG				24	1	1983	Khánh Hòa	Đại học Mở TP.HCM	Khoa học máy tính		HCM04773		67.50	57.50			HCM01730
22	NGUYỄN ĐỨC	PHÚ	15	1	1991				Bến Tre	Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM	Công nghệ thông tin		HCM04777		80.00	71.25			HCM01731
23	YÊU ĐỨC	PHÚ	5	2	1990				Thanh Hóa	Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính		HCM04779		VT	VT			HCM01732
24	LÊ THỊ HỒNG	PHÚC				7	11	1989	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Khoa học máy tính		HCM04781		VT	VT			HCM01733

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
25	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG				27	12	1982	Trực Ninh - Nam Định	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Công nghệ thông tin		HCM04786		VT	VT			HCM01734
26	NGUYỄN PHONG	QUÂN	15	12	1989				Kiến An, Hải Phòng	Đại học Đại Học Sài Gòn	Công nghệ phần mềm		HCM04787		VT	VT			HCM01735
27	CHÂU NGỌC	QUANG	26	9	1978				Thừa Thiên Huế	Đại học TRƯỜNG KHOA HỌC TỰ NHIÊN TP.HCM	Công nghệ phần mềm		HCM04788		70.00	48.75			HCM01736
28	TRƯƠNG HỒNG	QUANG	24	11	1979				Bình Định	Đại học ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TPHCM	Hệ thống thông tin		HCM04789		VT	VT			HCM01737
29	TRẦN PHÚ	QUÝ	1	1	1989				xã Tân Mỹ - huyện Đức Hòa – tỉnh Long An	Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông TP.HCM	Hệ thống thông tin		HCM04790		55.00	53.75			HCM01738
30	BẠCH HUY	QUYÊN	9	7	1991				Long An	Đại học Tôn Đức Thắng	Khoa học máy tính		HCM04791		VT	VT			HCM01739
31	NGUYỄN MINH	SANG	1	12	1989				TPHCM	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		HCM04792		VT	VT			HCM01740
32	LÊ HOÀNG	SƠN	27	1	1991				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Mạng máy tính		HCM04795		77.50	68.75			HCM01741
33	NGUYỄN TẤN	TÀI	16	11	1989				Hồ Chí Minh	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Công nghệ thông tin		HCM04798		60.00	50.00			HCM01742
34	HUỲNH DŨNG	TÂM	24	9	1989				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Kỹ thuật công nghệ TPHCM (HUTECH)	Công nghệ thông tin		HCM04800		57.50	60.00			HCM01743
35	PHAN ĐỨC	THẮNG	6	12	1989				671d ấp phú chiến, xã phú hưng, Tp.Bến Tre	Đại học CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH	Khoa học máy tính		HCM04809		72.50	48.75			HCM01744
36	NGUYỄN THIÊN	THI				20	11	1991	Quảng Nam	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	Mạng máy tính		HCM04815		80.00	55.00			HCM01745
37	ĐỖ LÂM	THIÊN	13	10	1979				Bình Thuận	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TP.Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		HCM04817		VT	VT			HCM01746
38	NGUYỄN THỊ TRANG	THƠ				26	2	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính-Marketing	Tin học kế toán		HCM04818		VT	VT			HCM01747
39	ĐÀO THỊ THANH	THÚY				24	9	1983	Thị Trấn Đập Đá, An Nhơn, Bình Định	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP. HCM	Công nghệ thông tin		HCM04828		VT	VT			HCM01748
40	LÊ THỊ THU	THỦY				30	4	1981	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tin học quản lý		HCM04829		65.00	65.00			HCM01749
41	CAO THẾ	TOÀN	9	9	1991				P.Vinh Trại ,Tp.Lạng Sơn - T.Lạng Sơn	Đại học Kinh Doanh Công Nghệ Hà Nội	Công nghệ thông tin	DTTS	HCM04836	20	42.50	30.00			HCM01750
42	PHAN THỊ CẨM	TRANG				13	3	1980	Thừa Thiên Huế	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TpHCM	Hệ thống thông tin		HCM04842		VT	VT			HCM01751
43	LÊ TRUNG	TRỰC	31	1	1991				Quảng Ngãi	Đại học Ngoại Ngữ Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh	Mạng máy tính		HCM04847		57.50	50.00			HCM01752
44	PHẠM QUANG	TRUNG	9	4	1984				Hải Phòng	Đại học ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Công nghệ thông tin		HCM04850		52.50	35.00			HCM01753
45	TRẦN ĐỨC	TRUNG	19	4	1986				TP. Nam Định	Học viện Đại học Mở Hà Nội	Công nghệ thông tin		HCM04851		90.00	75.00			HCM01754
46	ĐỖ THANH	TÙNG	30	3	1980				Thanh Hóa	Đại học Điện Lực	Công nghệ thông tin		HCM04857		22.50	73.75			HCM01755
47	NGUYỄN THANH	TÙNG	1	5	1987				Quảng Nam	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Điện tử viễn thông		HCM04859		60.00	41.25			HCM01756
48	VÕ THANH	TÙNG	11	12	1988				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Công nghệ thông tin		HCM04861		VT	VT			HCM01757
49	NGUYỄN THỊ	TUYẾT				6	2	1982	Thái Bình	Đại học Khoa học tự Nhiên TP HCM	Công nghệ thông tin		HCM04863		57.50	35.00			HCM01758
50	MAI QUỐC	VƯƠNG	1	1	1990				Xã Tịnh Hòa, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Khoa Học Tự Nhiên - TPHCM	Công nghệ thông tin		HCM04874		80.00	31.25			HCM01759
51	VÕ THANH	XUÂN	13	6	1990				Bến Tre	Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM	Công nghệ thông tin		HCM04875		72.50	52.50			HCM01760
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG				29	3	1981	Tp Hồ Chí Minh	Học viện Học viện hành chính quốc gia	Hành chính học		HCM04881		VT	VT	VT		HCM01761

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	NGUYỄN THÁI	HOÀNG	21	8	1986				Hà Nội	Học viện Hành Chính Quốc Gia TPHCM	Hành chính học		HCM04884		50.00	41.25	40.00		HCM01763
3	HOÀNG THỊ LAN	HƯƠNG				30	4	1986	Hà Nội	Học viện Hành chính	Hành chính học		HCM04885		VT	VT	VT		HCM01764
4	NGUYỄN THỊ KIM	HUỲNH				25	5	1987	Ninh Hòa- Khánh Hòa	Học viện Hành Chính Quốc Gia Tp.HCM	Hành chính học		HCM04886		70.00	46.25	70.00		HCM01765
5	LÊ THỊ	TÁO				20	8	1988	Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		HCM04895		VT	VT	VT		HCM01766
6	NGÔ THẾ	THÀNH	13	9	1984				Hải Dương	Học viện Hành Chính	Hành chính học		HCM04896		VT	VT	VT		HCM01767
7	NGUYỄN THỊ	THOM				17	10	1987	Nam Thanh, Nam Đàn, Nghệ An	Học viện hành chính	Hành chính học	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM04897	20	77.50	52.50	75.00		HCM01768
8	NGUYỄN THỊ	THU				16	4	1990	TUYÊN QUANG	Đại học Đại Học Nội Vụ Hà Nội	Lưu trữ học		HCM04898		95.00	43.75	75.00		HCM01769
9	NGUYỄN HỒNG	THÚY				6	4	1983	Tỉnh Thái Nguyên	Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		HCM04899		VT	MT	VT		HCM01770
10	TRẦN THỊ THANH	THÙY				12	3	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Học viện Hành chính Quốc gia cs TP Hồ Chí Minh	Hành chính học		HCM04900		82.50	62.50	57.50		HCM01771
11	TRẦN THỊ	TÌNH				9	6	1987	Hùng Sơn-Anh Sơn-Nghệ An	Đại học KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	Lưu trữ và Quản trị văn phòng		HCM04901		70.00	32.50	42.50		HCM01772
12	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				25	9	1992	Ninh Bình	Học viện Hành Chính Quốc Gia	Hành chính học		HCM04903		77.50	35.00	62.50		HCM01773
13	PHẠM LÊ NỮ	TÚ				29	1	1994	Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Học viện Hành Chính Quốc gia	Quản lý công		HCM04904		87.50	86.25	77.50		HCM01774
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
1	HỒ BẢO	ANH	28	12	1989				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Ngoại Ngữ Tin Học	Công nghệ thông tin		HCM05415		56.00	44.00			HCM02059
2	LÊ VĂN	CHÍN	1	7	1990				Tân Hoà Tây, Tân Phước, Tiền Giang	Cao đẳng Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TP HCM	Công nghệ thông tin		HCM05416		76.00	42.00			HCM02060
3	PHAN NGOC	DŨNG	21	4	1992				KPI, Phường I, Thị Xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Điện tử - Viễn thông		HCM05419		VT	VT			HCM02061
4	ĐOÀN XUÂN	DUY	8	12	1988				Nam Định	Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp	Tin học kế toán		HCM05420		28.00	26.00			HCM02062
5	VÕ THỊ	GIÀU				22	8	1985	Tây Ninh	Đại học Bình Dương	Tin học		HCM05421		64.00	32.00			HCM02063
6	LÊ THỊ THÚY	HÀNG				12	10	1986	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM	Tin học ứng dụng		HCM05422		72.00	46.00			HCM02064
7	NGUYỄN LỆ	HÀNG				4	10	1991	Đồng Lê- Tuyên hóa-Quảng Bình	Đại học Đại học Duy Tân	Công nghệ phần mềm		HCM05423		56.00	38.00			HCM02065
8	TRẦN THẾ	HIỀN	13	7	1990				Ninh Thuận	Đại học Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM	Công nghệ thông tin	HTNVQS	HCM05424	10	VT	VT			HCM02066
9	LƯU TUYẾT	HOA				1	1	1991	thành phố hồ chí minh	Đại học công nghệ tp.hcm	Công nghệ thông tin		HCM05427		VT	VT			HCM02067
10	DIỆP KIẾN	HÒA	1	4	1992				Trung Quốc	Cao đẳng Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	Mạng máy tính và truyền thông		HCM05428		64.00	38.00			HCM02068
11	ĐINH VĂN	HƯỜNG	24	2	1993				Quảng Ngãi	Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng	Công nghệ phần mềm		HCM05430		44.00	36.00			HCM02069
12	TRƯƠNG MỸ	HUYỀN				27	12	1987	Thành phố hồ chí minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Tin học		HCM05431		72.00	38.00			HCM02070
13	PHẠM TRỌNG	HUYNH	2	7	1986				Sơn Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình	Đại học Đại Học Công Nghệ Thông Tin	Công nghệ thông tin		HCM05432		60.00	38.00			HCM02071
14	NGUYỄN LƯƠNG	KHÁC	3	6	1985				NINH BÌNH	Đại học NGOẠI NGỮ TIN HỌC TPHCM	Hệ thống thông tin	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM05433	20	64.00	78.00			HCM02072
15	NGUYỄN CÔNG	LUẬN	27	9	1986				Long An	Cao đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Vạn Xuân	Công nghệ thông tin		HCM05434		56.00	26.00			HCM02073

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
16	VÕ BẢO	LUẬT	28	11	1991				Long An	Cao đẳng Công Nghệ Thông Tin TP.HCM	Hệ thống thông tin		HCM05435		64.00	50.00			HCM02074
17	LÊ VĂN	MINH	28	7	1986				Hà Tĩnh	Cao đẳng Bách Việt	Mạng máy tính và truyền thông		HCM05436		72.00	40.00			HCM02075
18	NGUYỄN KIM	NGÂN				10	3	1990	Tiền Giang	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tin học quản lý		HCM05437		72.00	44.00			HCM02076
19	PHẠM THỊ TÚ	NGÂN				29	12	1980	Ấp Bình Tịnh, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Đại học Kỹ thuật Công nghệ Tp.HCM	Công nghệ thông tin		HCM05438		80.00	46.00			HCM02077
20	PHAN THỊ HUỖNH	NHƯ				24	12	1994	Ấp Rạch Trắc,Xã Mỹ Phước Tây,Huyện Cai Lậy,Tỉnh Tiền Giang	Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		HCM05440		VT	VT			HCM02078
21	NGUYỄN TẤN	PHÚC	30	7	1987				THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Cao đẳng CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOAN	Công nghệ thông tin		HCM05444		72.00	48.00			HCM02079
22	ĐOÀN MINH	QUANG	27	7	1990				TP. Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng	Công nghệ thông tin		HCM05449		VT	VT			HCM02080
23	HUỖNH THỊ PHƯƠNG	QUYÊN				28	6	1990	Mỹ An - Thủ Thừa - Long An	Đại học Công nghiệp TPHCM	Công nghệ thông tin		HCM05450		56.00	46.00			HCM02081
24	NGUYỄN LÊ GIANG	QUỲNH				26	12	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Ngoại Ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		HCM05451		76.00	42.00			HCM02082
25	LÊ THỊ THU	THẢO				7	10	1983	Mỏ Cày - Bến Tre	Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ thuật Phú Lâm	Công nghệ thông tin		HCM05452		56.00	46.00			HCM02083
26	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI				12	12	1985	Quảng Nam	Đại học Đồng Tháp	Tin học ứng dụng		HCM05453		44.00	36.00			HCM02084
27	NGUYỄN MINH	THUẬN	10	5	1992				thôn Thuận Nhứt, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Sĩ Quan Thông Tin	Công nghệ thông tin	Con TB	HCM05454	20	68.00	34.00			HCM02085
28	TẠ ĐÌNH	TÍCH	10	12	1991				Hà Nội	Đại học Khoa Học Tự Nhiên	Công nghệ thông tin		HCM05455		VT	VT			HCM02086
29	NGUYỄN PHẠM XUÂN	TRƯỜNG	30	7	1992				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Công nghệ thông tin		HCM05458		VT	VT			HCM02087
30	LÊ MINH	TUẤN	1	1	1989				Long An	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Điện tử viễn thông		HCM05460		VT	VT			HCM02088
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	ĐẶNG XUÂN	AN	7	10	1992				Mộ Đức-Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Tp HCM	Kế toán		HCM04905		VT	VT	VT		HCM01775
2	TRẦN THANH NGỌC	AN	14	4	1983				Tây Ninh	Cao đẳng Cao Dạng Kinh Tế Đối Ngoại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HCM04908		52.00	70.00	64.00		HCM01776
3	TỪ THỊ KHÔI	AN				2	2	1992	Ninh Thuận	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính ngân hàng		HCM04909		VT	VT	VT		HCM01777
4	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH				31	1	1990	Quảng Nam	Đại học Đại học quốc tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		HCM04915		92.00	58.00	80.00		HCM01778
5	PHAN NỮ PHƯƠNG	ANH				14	3	1989	SƠN TỊNH, QUẢNG NGÃI	Cao đẳng KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN	Quản trị kinh doanh		HCM04916		VT	VT	VT		HCM01780
6	TRƯƠNG THỊ THẢO	ANH				2	7	1992	Quảng Ngãi	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04917		VT	VT	VT		HCM01781
7	PHẠM THỊ THU	BA				4	7	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Công Thương Tp.HCM	Kế toán tài chính		HCM04918		56.00	42.00	68.00		HCM01782
8	HOÀNG ĐẶNG THÁI	BÌNH	20	4	1979				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04920		36.00	26.00	56.00		HCM01783
9	HUỖNH	CHÂU				26	9	1987	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế Đối Ngoại	Kế toán doanh nghiệp		HCM04924		60.00	58.00	76.00		HCM01784

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
10	NGUYỄN THỊ KIM	CHI				22	2	1984	Duy Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04926		76.00	MT	76.00		HCM01785
11	NGUYỄN THỊ	CÚC				22	4	1988	Hậu Giang	Trung cấp Kỹ Thuật & Nghiệp Vụ Nam Sài Gòn	Kế toán doanh nghiệp		HCM04935		84.00	42.00	80.00		HCM01786
12	LÊ THỊ	ĐÀO				20	4	1982	Nghệ An	Đại học Đại Học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Hạch toán kế toán		HCM04940		80.00	28.00	52.00		HCM01787
13	PHẠM THỊ HỒNG	ĐÀO				26	12	1992	Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		HCM04941		VT	VT	VT		HCM01788
14	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	22	4	1993				An Phú Đông, Quận 12, TP Hồ Chí Minh	Cao đẳng CÔNG NGHỆ VIETTRONICS	Tài chính doanh nghiệp		HCM04942		52.00	38.00	60.00		HCM01789
15	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	25	5	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài chính hải quan TP HCM	Kinh doanh XNK		HCM04943		VT	VT	VT		HCM01790
16	ĐẶNG KIM	DI				17	1	1985	TP HCM	Đại học Kinh Tế TP HCM	Kế toán		HCM04945		76.00	64.00	80.00		HCM01791
17	ĐẶNG THỊ	DIỄM				23	8	1993	Tiền Giang	Đại học Tài chính - marketing	Tài chính ngân hàng		HCM04946		44.00	68.00	76.00		HCM01792
18	NGUYỄN THANH THÚY	DIỄM				28	3	1990	Long An	Cao đẳng Giao Thông Vận Tải III	Kế toán		HCM04947		56.00	36.00	52.00		HCM01793
19	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM				25	1	1995	long an	Cao đẳng công thương tphcm	Tài chính ngân hàng		HCM04948		16.00	34.00	44.00		HCM01794
20	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM				29	9	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế Và Công Nghệ Tphcm	Tài chính ngân hàng		HCM04949		32.00	32.00	36.00		HCM01795
21	HUỲNH ĐĂNG	DIỄN	23	8	1991				Tây Ninh	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Tài chính doanh nghiệp		HCM04950		64.00	50.00	76.00		HCM01796
22	LA THÙY	DUNG				29	10	1994	Trung Quốc	Đại học Hoa Sen	Tài chính - Ngân hàng		HCM04956		60.00	58.00	68.00		HCM02124
23	LÊ THỊ HOÀNG	DUNG				10	4	1992	Quảng Trị	Cao đẳng Công Nghệ Thông Tin Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM04957		60.00	32.00	60.00		HCM01797
24	PHẠM THỊ	DUNG				20	10	1990	Xã Lam Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	Cao đẳng Kinh tế Đối Ngoại	Kinh doanh XNK		HCM04959		92.00	58.00	84.00		HCM01798
25	TẠ THỊ MỸ	DUNG				12	2	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM04960		36.00	40.00	72.00		HCM01799
26	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	22	4	1974				Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trường Trung cấp Hồng Hà	Kế toán		HCM04962		52.00	58.00	68.00		HCM01800
27	TRẦN TIẾN	DŨNG	30	9	1980				xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Cao đẳng Công thương Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM04963		VT	VT	VT		HCM01801
28	ĐỒNG TRƯƠNG	DƯƠNG	8	7	1989				Thôn Cửu Thành, xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ, tỉnh bình định	Đại học Tài Chính- Kế Toán	Kế toán doanh nghiệp		HCM04964		VT	VT	VT		HCM01802
29	KIM NHẬT ANH	DƯƠNG				21	4	1991	sóc trăng	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính ngân hàng	DTTS	HCM04965	20	VT	VT	VT		HCM01803
30	NGUYỄN THỊ KIM	DƯƠNG				27	8	1991	Bình Thuận	Cao đẳng BC Công Nghệ và QTDN	Kế toán		HCM04968		60.00	28.00	68.00		HCM01804
31	LÂM MỸ	DUYÊN				29	10	1994	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Bách Việt	Quản trị kinh doanh		HCM04972		60.00	32.00	80.00		HCM01805
32	NGUYỄN THÙY	GIANG				19	9	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HCM04977		60.00	50.00	68.00		HCM01806
33	ĐINH THỊ THU	HÀ				1	6	1975	Ninh Bình	Đại học Mở Bán công TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM04981		VT	VT	VT		HCM01807
34	HOÀNG THU	HÀ				10	10	1992	Xã Xuân Lai - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HCM04982		48.00	30.00	60.00		HCM01808
35	TRỊNH THỊ	HÀ				30	6	1991	BÌNH PHƯỚC	Cao đẳng HỒNG BÀNG TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM04989		40.00	44.00	60.00		HCM01809
36	VÕ THỊ MAI	HÀ				24	8	1983	Bạc Liêu	Đại học Đại Học Tài Chính Marketing Tp.Hcm	Kế toán doanh nghiệp		HCM04990		36.00	46.00	68.00		HCM01810
37	HUỲNH NGUYỄN NGỌC	HẢI				25	4	1983	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học ĐẠI HỌC CHU VĂN AN	Kế toán		HCM04991		40.00	36.00	64.00		HCM01811
38	LÊ TRƯỜNG	HẢI	30	10	1976				Tỉnh Bến Tre	Trung cấp Kinh tế	Kinh doanh thương mại		HCM04992		VT	VT	VT		HCM01812
39	NGUYỄN QUỐC	HẢI	4	10	1984				Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế Tp.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM04993		68.00	34.00	76.00		HCM01813

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
40	NGUYỄN TRỌNG	HẢI	11	11	1994				Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế Công Nghệ TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM04994		44.00	42.00	36.00		HCM01814
41	PHẠM DUY	HẢI	15	9	1982				Hà Nội	Cao đẳng Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại	Kế toán		HCM04995		64.00	54.00	76.00		HCM01815
42	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN				12	11	1991	11	Cao đẳng tài chính hải quan	Tài chính doanh nghiệp		HCM04997		VT	VT	VT		HCM01816
43	LÊ THỊ THANH	HÀNG				9	5	1986	Ấp Phú Thạnh B - Phú Kiết - Chợ Gạo - Tiền Giang	Cao đẳng Kinh tế Tp.hcm	Quản trị kinh doanh		HCM04998		VT	VT	VT		HCM01817
44	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG				19	6	1994	Phú Yên	Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa	Kế toán		HCM05000		48.00	34.00	56.00		HCM01818
45	NGUYỄN THỊ MỸ	HANH				26	9	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05003		72.00	52.00	84.00		HCM01819
46	NGUYỄN THỊ	HẬU				11	7	1987	Gia Tân- Gia Lộc- Trảng Bàng-Tây Ninh	Cao đẳng Tài Chính- Hải Quan	Kinh doanh quốc tế		HCM05005		44.00	34.00	64.00		HCM01820
47	NGUYỄN THANH	HIỀN				5	5	1991	Tp Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05006		VT	VT	VT		HCM01821
48	NGUYỄN THỊ	HIỀN				2	10	1986	Hưng Yên	Đại học Văn Lang	Kế toán - Tin học		HCM05007		56.00	32.00	68.00		HCM01822
49	TRẦN THỊ BÉ	HIỀN				15	2	1992	Long An	Cao đẳng Giao thông Vận tải Tp.HCM	Kế toán		HCM05008		VT	VT	VT		HCM01823
50	TRẦN THỊ THU	HIỀN				13	12	1980	xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM05009	20	VT	VT	VT		HCM01824
51	CHU TẮT	HIẾU	5	5	1994				Thanh Hóa	Cao đẳng CÔNG THƯƠNG TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05010		72.00	34.00	92.00		HCM01825
52	LÂM PHƯỚC	HIẾU	12	12	1988				Trung Quốc	Trung cấp Kinh Tế Kỹ Thuật Phương Nam	Quản trị kinh doanh	HTNVQS	HCM05012	10	64.00	38.00	68.00		HCM01826
53	LƯU NGỌC MẠNH	HIẾU	29	12	1987				CAMPUCHIA	Trung cấp TRUNG CẤP HỒNG HÀ-TP HỒ CHÍ MINH	Kế toán		HCM05013		48.00	32.00	76.00		HCM01827
54	NGUYỄN THỊ KIM	HOA				5	3	1971	Thành Phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trung cấp Đồng Dương	Kế toán		HCM05016		VT	VT	VT		HCM01828
55	TRẦN THỊ	HOA				15	10	1993	Nam Định	Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HCM05017		60.00	44.00	80.00		HCM01829
56	TRẦN THỊ HỒNG	HOA				30	10	1982	Bạc Liêu	Đại học Điện Lực	Kế toán		HCM05018		48.00	22.00	72.00		HCM01830
57	ĐINH HỮU	HOÀI	24	3	1993				Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định.	Đại học Tài Chính - Kế Toán	Kế toán		HCM05021		44.00	40.00	76.00		HCM01831
58	TẠ VĂN	HOÀN	14	8	1984				LÂM ĐỒNG	Đại học NGÂN HÀNG TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05022		64.00	54.00	64.00		HCM01832
59	LÊ THỊ KIM	HỒNG				5	1	1986	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lạc Hồng tp.hcm	Kế toán - Tin học		HCM05024		VT	VT	VT		HCM01834
60	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG				27	10	1991	Thành Phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Kỹ Thuật Nông Nghiệp TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05025		80.00	84.00	80.00		HCM01835
61	HỒ THỊ HỒNG	HUỆ				11	1	1993	TPHCM	Đại học HUTECH	Kế toán tài chính		HCM05027		76.00	46.00	60.00		HCM01836
62	TRẦN THỊ	HUỆ				16	12	1990	Quang Thành, Yên Thành, Nghệ An	Cao đẳng tài chính hải quan	Kế toán doanh nghiệp		HCM05028		52.00	34.00	72.00		HCM01837
63	TRỊNH THỊ	HUỆ				20	3	1985	Thái Bình	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		HCM05029		84.00	30.00	68.00		HCM01838
64	BÙI CAO THANH	HÙNG	1	3	1989				Thái Bình	Cao đẳng Bách Việt	Tài chính ngân hàng		HCM05030		76.00	54.00	80.00		HCM01839
65	ĐÀO THÁI	HÙNG	4	5	1976				Hà Nội	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán		HCM05031		76.00	54.00	72.00		HCM01840
66	BÙI THỊ HỒNG	HƯNG				20	10	1991	An Nhơn, Bình Định	Trung cấp Trung cấp Tin Học-Kinh Tế Sài Gòn	Hạch toán kế toán		HCM05032		32.00	22.00	56.00		HCM01841
67	TẶNG VĂN	HƯNG	26	1	1978				Trung Quốc	Trung cấp Trung Học Kinh Tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05033		52.00	28.00	52.00		HCM01842
68	ĐOÀN THỊ QUỲNH	HƯƠNG				21	3	1988	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Hạch toán kế toán		HCM05034		VT	VT	VT		HCM01843
69	ĐOÀN THỊ TUYẾT	HƯƠNG				15	1	1994	Long An	Cao đẳng Kinh tế đối ngoại	Tài chính ngân hàng		HCM05035		56.00	68.00	80.00		HCM01844

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
70	NGUYỄN LÊ THU	HƯƠNG				7	11	1989	Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TPHCM	Kế toán		HCM05037		56.00	48.00	80.00		HCM01845
71	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG				26	1	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM05039		VT	VT	VT		HCM01846
72	NGUYỄN HỒNG NHẬT	HUY				27	7	1991	TP. Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Nghiệp vụ Kinh doanh XNK		HCM05042		VT	VT	VT		HCM01847
73	NGUYỄN THỊ	HUYỀN				20	10	1993	HẢI DƯƠNG	Đại học NGUYỄN TẤT THÀNH	Kế toán		HCM05044		VT	VT	VT		HCM01848
74	PHẠM THỊ	HUYỀN				30	10	1990	Thanh Hoá	Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM05046		76.00	80.00	84.00		HCM01849
75	TRẦN THỊ THU	HUYỀN				18	9	1992	Tỉnh Quảng Trị	Cao đẳng Thương Mại Đà Nẵng	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HCM05048		96.00	54.00	76.00		HCM01850
76	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN				21	10	1987	Di Linh-Lâm Đồng	Cao đẳng TÀI CHÍNH - HẢI QUAN	Hệ thống thông tin quản lý		HCM05049		VT	VT	VT		HCM01851
77	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN				25	1	1990	TIỀN GIANG	Cao đẳng GIAO THÔNG VẬN TẢI III	Kế toán		HCM05050		84.00	56.00	72.00		HCM01852
78	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	1	9	1990				Hà Nội	Trung cấp Sài Gòn Tp.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05053		44.00	58.00	76.00		HCM01853
79	NGUYỄN SANH ANH	KHOA	13	4	1993				Thừa Thiên Huế	Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05055		68.00	32.00	68.00		HCM01854
80	VÕ TRẦN ANH	KHOA	5	10	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Quốc tế Hồng Bàng Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05056		56.00	44.00	68.00		HCM01855
81	LÊ CÔNG	KHÔI	20	8	1987				NAM ĐỊNH	Đại học SÀI GÒN	Kế toán		HCM05057		48.00	28.00	44.00		HCM01856
82	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	7	3	1992				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Con NĐKC bị NCDHH	HCM05058	20	64.00	46.00	76.00		HCM01857
83	TRẦN HOÀN NGỌC	KHÔI	29	11	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05059		88.00	46.00	76.00		HCM01858
84	PHẠM THỊ	KHUÊ				12	3	1991	xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Đại học Đại Học Tài Chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM05060		80.00	44.00	84.00		HCM01859
85	LÊ HOÀNG	KHƯƠNG	5	2	1994				TÂY NINH	Cao đẳng TÀI CHÍNH HẢI QUAN	Tài chính nhà nước		HCM05061		60.00	46.00	72.00		HCM01860
86	ĐOÀN VĂN	KIÊN	23	3	1991				Quảng Trị	Đại học Tài chính - Kế toán	Tài chính ngân hàng		HCM05062		52.00	38.00	76.00		HCM01861
87	HỒ THỊ THÚY	KIỀU				4	2	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HCM05064		68.00	36.00	60.00		HCM01862
88	NGUYỄN THỊ OANH	KIỀU				30	3	1995	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao Đẳng Kinh Tế Kỹ thuật Vinatex TPHCM	Kế toán		HCM05065		64.00	40.00	76.00		HCM01863
89	PHAN THỊ DIỄM	KIỀU				2	9	1989	Phú Yên	Cao đẳng Công Thương Tp.HCM	Kế toán		HCM05068		48.00	32.00	56.00		HCM01864
90	NGUYỄN HOÀNG	LAM	28	11	1982				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		HCM05070		64.00	30.00	56.00		HCM01865
91	VƯƠNG HOÀNG	LÂM	9	11	1992				Nam Định	Đại học Tài Chính - Marketing	Kế toán		HCM05071		80.00	52.00	64.00		HCM01866
92	ĐỒNG THỊ HUỆ	LINH				20	6	1979	Hải Phòng	Đại học Ngân Hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM05076		VT	VT	VT		HCM01867
93	LÂM THỊ TRÚC	LINH				13	1	1989	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng KINH TẾ TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05077		72.00	38.00	72.00		HCM01868
94	LÊ LƯƠNG THUỶ	LINH				3	1	1994	Quảng Bình	Cao đẳng Tài chính hải quan	Tài chính nhà nước		HCM05078		40.00	30.00	64.00		HCM01869
95	NGUYỄN NGỌC	LINH				21	11	1995	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế TPHCM	Kế toán		HCM05082		60.00	38.00	68.00		HCM01870
96	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH				23	11	1993	Phú Thọ	Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM05083		68.00	56.00	72.00		HCM01871
97	TRẦN MỸ	LINH				26	10	1992	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Kế toán		HCM05086		84.00	64.00	84.00		HCM01872

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
98	LƯU THỊ PHƯƠNG	LOAN				10	10	1991	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM05088		60.00	42.00	80.00		HCM01873
99	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN				12	10	1989	TP HCM	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM05089		VT	VT	VT		HCM01874
100	PHAN THANH	LOAN				1	5	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao đẳng giao thông vận tải III	Tài chính ngân hàng		HCM05090		52.00	36.00	48.00		HCM01875
101	TRẦN THỊ BÍCH	LOAN				4	11	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Và Du Lịch Sài	Kế toán		HCM05091		72.00	16.00	60.00		HCM01876
102	NGUYỄN THỊ	LỰA				10	5	1990	Ninh Bình	Cao đẳng CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC TP. HCM	Kế toán		HCM05094		VT	VT	VT		HCM01877
103	ĐẶNG THỊ BÍCH	LƯỢNG				5	1	1988	TP Hải Phòng	Cao đẳng Công Thương	Kế toán		HCM05095		48.00	34.00	60.00		HCM01878
104	TRỊNH THỊ	LUYẾN				2	9	1993	Thanh Hoá	Cao đẳng Bách Việt	Kế toán		HCM05097		56.00	38.00	60.00		HCM01879
105	TRẦN VĂN	LUYẾN	4	11	1993				Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao đẳng kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM05098		52.00	54.00	80.00		HCM01880
106	CAO THIÊN	LÝ				2	10	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05100		76.00	58.00	80.00		HCM01881
107	PHAN THU	LÝ				10	10	1993	Đại Lộc, Quảng Nam	Cao đẳng CĐ Tài Chính - Hải Quan	Tài chính doanh nghiệp		HCM05101		60.00	50.00	80.00		HCM01882
108	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI				4	12	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Nguyễn Tất Thành TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM05104		76.00	60.00	88.00		HCM01883
109	PHAN THỊ XUÂN	MAI				22	1	1992	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế -Công nghệ TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM05105		36.00	44.00	48.00		HCM01884
110	CAO THỊ HÀ	MI				12	10	1994	Quảng Bình	Cao đẳng Tài chính- Hải quan	Kế toán		HCM05106		60.00	44.00	72.00		HCM01885
111	BÙI NGUYỄN ĐỨC	MINH	1	10	1993				Hồng Ngự, Đồng Tháp	Đại học CNTT Gia Định Tp.HCM	Kế toán		HCM05108		28.00	38.00	60.00		HCM01886
112	NGUYỄN CÔNG	MINH	1	1	1994				Xã Thuận Mỹ, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính ngân hàng		HCM05109		64.00	56.00	64.00		HCM01887
113	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	MINH	14	11	1995				TPHCM	Cao đẳng Kinh tế-Công nghệ TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM05110		56.00	34.00	72.00		HCM01888
114	LÊ THỊ THẢO	MY				20	10	1993	thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Học viện NGÂN HÀNG	Tài chính ngân hàng		HCM05112		68.00	42.00	60.00		HCM01889
115	TẶNG THỤC	MY				22	6	1989	Quảng Đông, Trung Quốc	Đại học Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM05114		80.00	MT	76.00		HCM01890
116	NGUYỄN THỊ LY	NA				9	6	1985	Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đại học dân lập văn lang	Kế toán	Con TB	HCM05115	20	44.00	30.00	60.00		HCM01892
117	PHẠM HOÀNG THANH	NAM	23	10	1987				Thành Phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trung Học Tư Thục Kinh Tế-Kỹ Thuật Tây Nam Á	Tài chính		HCM05116		48.00	36.00	56.00		HCM01893
118	BÀNH THỊ MỸ	NGA				18	5	1986	Tây Ninh	Cao đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TP. HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05119		VT	VT	VT		HCM01894
119	ĐẶNG NGỌC THỦY	NGA				5	6	1978	Đô Lương - Nghệ An	Đại học Luật TPHCM	Luật học		HCM05120		28.00	36.00	48.00		HCM01895
120	ĐẶNG THIÊN	NGA				27	10	1988	Quảng Ninh	Cao đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Vạn Xuân	Kế toán		HCM05121		64.00	40.00	44.00		HCM01896
121	NGUYỄN THỊ THANH	NGA				30	10	1993	Nga Lĩnh - Nga Sơn - Thanh Hóa	Cao đẳng KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	Kế toán		HCM05122		56.00	30.00	48.00		HCM01897
122	TRẦN THỊ VÂN	NGÃ				2	9	1986	Thanh Nho- Thanh Chương- Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM05124	20	VT	VT	VT		HCM01898
123	HUỖNH THỊ KIM	NGÂN				7	8	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học công nghiệp thực phẩm tp hcm	Kế toán		HCM05126		VT	VT	VT		HCM01899
124	PHAN KIM	NGÂN				9	9	1983	Long An	Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á	Kế toán - Kiểm toán		HCM05132		36.00	20.00	56.00		HCM01900

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
125	TRẦN DƯƠNG THƯỜNG	NGHI				21	7	1993	Hải Dương	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Tài chính nhà nước		HCM05136		56.00	42.00	48.00		HCM01902
126	TRẦN LỄ	NGHĨA	20	8	1971				TP Hồ Chí Minh	Đại học TT Đào tạo & NCKH Ngân Hàng	Ngân hàng		HCM05137		64.00	40.00	68.00		HCM01903
127	NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC				1	2	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Kế toán	Con TB	HCM05142	20	72.00	54.00	80.00		HCM01891
128	VĂN THỊ MỸ	NGỌC				13	5	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HCM05143		40.00	36.00	68.00		HCM01904
129	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	NGUYỆT				6	6	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông cơ sở Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05148		56.00	46.00	64.00		HCM01905
130	VŨ HOÀNG	NHÃ				26	12	1990	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Nguyễn Tất Thành	Kế toán		HCM05149		44.00	32.00	48.00		HCM01906
131	NGUYỄN THỊ	NHÂN				30	9	1988	Phú Yên	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HCM05151		80.00	34.00	56.00		HCM01907
132	ĐINH ĐỨC	NHÂN	4	1	1995				Sen Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Đại học Tài Chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		HCM05153		52.00	40.00	64.00		HCM01908
133	TRẦN THÁI	NHÂN	25	8	1993				Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và Dịch vụ		HCM05154		36.00	58.00	60.00		HCM01909
134	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHÂN				30	9	1984	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM05155		VT	VT	VT		HCM01910
135	LÊ HỒNG	NHẬT	2	9	1989				THANH HOÁ	Cao đẳng Bách Việt TPHCM	Ngân hàng		HCM05156		64.00	66.00	76.00		HCM01911
136	BÙI KHÁNH	NHI				14	9	1994	Cần Giờ	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính ngân hàng		HCM05157		VT	VT	VT		HCM01912
137	ĐỖ THỊ TUYẾT	NHI				18	10	1993	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Công nghệ thông tin TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05158		80.00	44.00	68.00		HCM01913
138	HUỖNH THỊ YẾN	NHI				10	3	1992	Bình Dương	Đại học Công Nghiệp Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05159		VT	VT	VT		HCM01914
139	TẠ DƯƠNG YẾN	NHI				10	12	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Bán Công Quản Trị và Doanh Nghiệp	Tài chính ngân hàng		HCM05161		52.00	30.00	56.00		HCM01915
140	TRẦN NGỌC YẾN	NHI				4	9	1993	QUẢNG TRỊ	Cao đẳng Công Thương	Kế toán doanh nghiệp		HCM05162		56.00	46.00	84.00		HCM01916
141	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NHU'				12	9	1989	Tiền Giang	Cao đẳng Nguyễn Tất Thành	Kế toán		HCM05167		76.00	46.00	72.00		HCM01917
142	HUỖNH THỊ NGỌC	NHUNG				5	9	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Công Nghệ Thông Tin TP.HCM	Kế toán		HCM05172		56.00	56.00	72.00		HCM01918
143	PHẠM THỊ TUYẾT	NHUNG				16	12	1988	Hưng Yên	Cao đẳng Cao đẳng Công Thương TP HCM	Kế toán		HCM05176		VT	VT	VT		HCM01919
144	NGUYỄN NHẬT	NINH	26	6	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài chính Hải Quan	Kế toán doanh nghiệp		HCM05178		76.00	56.00	80.00		HCM01920
145	ĐINH THỊ HOÀNG	OANH				25	1	1989	Bình Dương	Đại học Lạc Hồng	Kế toán tin học		HCM05180		48.00	28.00	76.00		HCM01921
146	HÀ HOÀNG CÔNG NỮ THÙY	OANH				21	9	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao Động- Xã Hội	Kế toán		HCM05182		68.00	44.00	76.00		HCM01922
147	PHẠM THỊ HOÀNG	OANH				26	7	1976	TPHCM	Đại học Đại học Kinh Tế	Tài chính doanh nghiệp		HCM05184		VT	VT	VT		HCM01923
148	NGUYỄN TÂN	PHÁT	14	3	1990				TP.HCM	Cao đẳng BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	Quản trị kinh doanh		HCM05185		60.00	30.00	64.00		HCM01924
149	PHAN MỸ NGA	PHI				11	10	1993	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Sài Gòn	Quản trị kinh doanh (kế toán)		HCM05186		76.00	52.00	72.00		HCM01925
150	TRẦN NAM	PHONG	1	3	1990				Xã Quảng Minh - Thị Xã Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Cao đẳng Tài chính - Hải quan	Kinh doanh XNK		HCM05189		64.00	72.00	60.00		HCM01926
151	HUỖNH THỊ MỸ	PHỤNG				9	6	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao động - Xã hội (CSII)	Kế toán		HCM05192		56.00	66.00	68.00		HCM01927
152	ĐẶNG THIÊN	PHƯỚC	3	10	1984				Bến Tre	Cao đẳng Kinh tế đối ngoại tphcm	Quản trị kinh doanh		HCM05194		76.00	64.00	80.00		HCM01928

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
153	PHẠM VŨ QUỲNH	PHƯƠNG				19	10	1994	Bình Dương	Đại học Công Nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính		HCM05197		56.00	50.00	64.00		HCM01929
154	TRẦN VŨ HOÀI	PHƯƠNG				18	12	1985	Bạc Liêu	Trung cấp Tin học Kinh tế Sài Gòn	Kế toán doanh nghiệp		HCM05198		52.00	44.00	60.00		HCM01930
155	VŨ THỊ MINH	PHƯƠNG				30	3	1982	Nam Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		HCM05199		48.00	38.00	76.00		HCM01931
156	TRINH MINH	QUẦN	10	6	1985				Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Hồng Hà	Kế toán		HCM05200		76.00	38.00	72.00		HCM01932
157	LÊ CHÍ	QUANG	22	11	1986				Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao đẳng kinh tế Tp.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05201		68.00	46.00	68.00		HCM01933
158	ĐÀO KIM	QUẾ				12	10	1993	BẾN TRE	Cao đẳng TÀI CHÍNH HẢI QUAN	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM05203		48.00	46.00	64.00		HCM01934
159	ĐẶNG NGỌC KIM	QUI				27	5	1993	Tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Trường Cao Đẳng Công thương Tp.HCM	Kế toán		HCM05204		68.00	52.00	72.00		HCM01935
160	ĐỖ THỊ TRÚC	QUYÊN				1	4	1992	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật TPHCM	Kế toán		HCM05205		48.00	48.00	68.00		HCM01936
161	NGUYỄN THỊ THANH	SÂM				13	4	1988	Tỉnh Phú Yên	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Kế toán		HCM05215		68.00	38.00	72.00		HCM01937
162	PHAN THỊ TRÚC	SINH				17	5	1989	Mỹ Xuyên Long Xuyên tỉnh An Giang	Đại học Đại Học Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng	Con TB	HCM05217	20	52.00	40.00	68.00		HCM01938
163	ĐỖ VĂN LINH	SƠN	26	5	1992				Bắc Giang	Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Vinatex TP HCM	Kế toán		HCM05220		52.00	48.00	68.00		HCM01939
164	LÊ THỊ PHƯƠNG	TÀI				15	10	1993	Thừa Thiên - Huế	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM05223		VT	VT	VT		HCM01940
165	NGUYỄN NGỌC	TÀI	13	12	1994				Bình Dương	Cao đẳng Kinh Tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM05224		VT	VT	VT		HCM01941
166	PHẠM VĂN	TẮM	5	11	1991				Xã Vũ An, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Học viện Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HCM05225		52.00	44.00	60.00		HCM01942
167	LÊ THỊ HOÀNG	TÂM				3	3	1986	Hồ Chí Minh	Đại học Bán công Tôn Đức Thắng	Hạch toán kế toán		HCM05228		VT	VT	VT		HCM01943
168	LÝ MINH	TÂM				22	2	1991	Trà Vinh	Đại học Tôn Đức thắng	Kế toán doanh nghiệp		HCM05229		44.00	32.00	44.00		HCM01944
169	NGUYỄN CAM HOÀI	TÂM				29	10	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Hồng Bàng, tp HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05230		40.00	40.00	60.00		HCM01945
170	NGUYỄN THỊ HẢI	TÂM				28	4	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Cao đẳng Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM05231		56.00	54.00	76.00		HCM01946
171	TRẦN MINH	TÂM	1	10	1988				Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05234		VT	VT	VT		HCM01947
172	TRẦN THANH	TÂM	10	6	1992				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Thông Tin Gia Định	Kế toán		HCM05235		92.00	44.00	60.00		HCM01948
173	VŨ THỊ THANH	TÂM				22	8	1983	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trung Cấp Việt Khoa TPHCM	Kế toán		HCM05236		48.00	36.00	68.00		HCM01949
174	LÝ VĂN	TÂN	10	6	1987				An Giang	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Tài chính ngân hàng		HCM05237		56.00	36.00	60.00		HCM01950
175	NGUYỄN TRỌNG	TÂN	5	7	1993				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Lao Động Và Xã Hội	Kế toán		HCM05238		76.00	50.00	76.00		HCM01951
176	NGUYỄN VĂN	TÂN	25	11	1985				Nam Định	Cao đẳng Tài chính Hải quan	Ngân hàng	Con NHĐKC bị NCDHH	HCM05239	20	64.00	30.00	76.00		HCM01952
177	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM				10	12	1988	LONG AN	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM05241		44.00	48.00	64.00		HCM01953
178	HỒ ĐẮC NGUYỆT	THANH				31	8	1990	Thừa Thiên Huế	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM05245		72.00	34.00	72.00		HCM01954
179	HUỲNH VŨ VIỆT	THANH				7	1	1991	Long An	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Kế toán doanh nghiệp		HCM05246		48.00	40.00	56.00		HCM01955
180	NGUYỄN THỊ KIM	THANH				26	9	1987	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Kinh Tế Và Du Lịch Tân Thanh	Kế toán		HCM05248		52.00	34.00	64.00		HCM01956

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
181	PHAN VĂN	THANH	20	10	1984				ấp Rạch trác, Xã Mỹ Phước Tây, tx. Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	Đại học trường đại học Nông Lâm tp.hcm	Kế toán		HCM05249		VT	VT	VT		HCM01957
182	LÊ VĂN	THÀNH	3	12	1991				Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Đại Học Mở TP.HCM	Ngân hàng		HCM05251		VT	VT	VT		HCM01958
183	LƯƠNG NGUYỄN CÔNG	THÀNH	30	10	1991				Nam Định	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HCM05252		VT	VT	VT		HCM01959
184	LƯƠNG THỊ TUYẾT	THÀNH				3	8	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM05253		40.00	42.00	64.00		HCM01960
185	PHẠM CÔNG	THÀNH	4	6	1989				phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Cao đẳng Guildhall, London	Quản trị kinh doanh	Con TB	HCM05254	20	80.00	52.00	76.00		HCM01961
186	TRỊNH THÚY KIM	THÀNH				12	10	1984	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		HCM05255		56.00	24.00	80.00		HCM01962
187	DƯƠNG HỒNG	THẢO				17	7	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh Tế- Kỹ Thuật Vinatex TP.HCM	Kế toán		HCM05256		60.00	40.00	60.00		HCM01963
188	LÊ THANH PHƯƠNG	THẢO				22	9	1991	Đồng Tháp	Cao đẳng Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Kế toán		HCM05259		VT	VT	VT		HCM01964
189	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO				20	2	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính tiền tệ		HCM05260		56.00	36.00	56.00		HCM01965
190	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO				14	10	1992	QUẢNG NINH	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở Thành phố Hồ	Quản trị kinh doanh		HCM05263		84.00	38.00	64.00		HCM01966
191	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO				2	6	1986	Thành phố Hà Nội	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính nhà nước		HCM05264		64.00	64.00	80.00		HCM01967
192	PHẠM THỊ THU	THẢO				29	10	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng BC Công Nghệ Và Quản Trị Doanh Nghiệp	Kế toán		HCM05265		36.00	34.00	56.00		HCM01968
193	PHAN THỊ HIẾN	THẢO				21	9	1988	Quảng Nam	Cao đẳng Công Thương TP.HCM	Kế toán		HCM05266		64.00	26.00	72.00		HCM01969
194	TRẦN THỊ MINH	THẢO				7	11	1983	Long An	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán doanh nghiệp		HCM05267		VT	VT	VT		HCM01970
195	NGUYỄN THANH	THIỆN	13	5	1989				Long An	Đại học TÔN ĐỨC THẮNG	Kế toán		HCM05271		84.00	42.00	72.00		HCM01971
196	NGUYỄN TRẦN TẤN	THIỆN	20	8	1981				Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế-Công nghệ TP.HCM	Kế toán		HCM05272		72.00	50.00	76.00		HCM01972
197	TRẦN MINH	THIỆN	13	8	1993				BẾN TRE	Đại học CÔNG NGHIỆP TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05273		VT	VT	VT		HCM01973
198	LƯU THỊ KIM	THOÀ				29	10	1993	Phú Yên	Đại học Kinh Tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05275		76.00	72.00	80.00		HCM01975
199	GIANG THỊ HỒNG	THU				15	8	1993	Vũng Tàu	Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM05276		68.00	64.00	80.00		HCM01976
200	NGUYỄN TIẾN	THU				29	12	1986	HÀ NINH HÀ TRUNG THANH HÓA	Đại học ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	Kế toán		HCM05278		VT	VT	VT		HCM01977
201	HỒ THỊ MINH	THU'				30	12	1994	Khánh Hoà	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		HCM05280		76.00	36.00	88.00		HCM01978
202	NGUYỄN THỊ MINH	THU'				5	1	1994	Bắc Ninh	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Tài chính ngân hàng		HCM05283		VT	VT	VT		HCM01979
203	PHẠM ĐIỀN	THUẬN	3	7	1989				thừa thiên huế	Đại học tôn đức thắng	Tài chính tín dụng		HCM05286		80.00	26.00	80.00		HCM01981
204	TRẦN NGỌC	THUẬN	1	11	1990				Quảng Ngãi	Cao đẳng Kinh Tế Công Nghệ TP.HCM	Kế toán		HCM05287		VT	VT	VT		HCM01982
205	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC	THUỖY				16	11	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05290		VT	VT	VT		HCM01983
206	NGÔ NHƯ'	THUỖY				6	10	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		HCM05291		80.00	62.00	72.00		HCM01984
207	TRẦN THỊ THANH	THÚY				26	2	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05294		44.00	36.00	84.00		HCM01985
208	CHÂU HỒNG	THỦY				29	9	1985	Long An	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		HCM05296		VT	VT	VT		HCM01986
209	LÂM THỊ	THỦY				20	10	1977	Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội	Quản trị Kinh doanh thương mại		HCM05299		VT	VT	VT		HCM01987

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
210	LÊ THỊ THU	THÙY				3	4	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tài Chính - Marketing	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HCM05300		VT	VT	VT		HCM01988
211	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY				11	7	1983	TP. Hồ Chí Minh	Đại học Nông Lâm TP. HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05302		48.00	24.00	44.00		HCM01989
212	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY				7	3	1991	Thái Bình	Cao đẳng Kinh tế công nghệ Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05303		44.00	36.00	68.00		HCM01990
213	HUỖNH ĐỖ UYÊN	THY				13	5	1991	Tiền Giang	Cao đẳng Bán Công Công Nghệ Và Quản Trị Doanh Nghiệp	Kế toán		HCM05305		VT	VT	VT		HCM01991
214	NGUYỄN THỊ NGỌC	THY				19	11	1994	Bến Tre	Cao đẳng Viễn Đông Tp.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05306		VT	VT	VT		HCM01992
215	TRẦN THỊ ANH	THY				21	11	1982	Nam Định	Cao đẳng Kinh tế Đối Ngoại TP.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05307		60.00	82.00	56.00		HCM01993
216	TRẦN THY	THY				27	9	1994	TP Hồ Chí Minh	Đại học ĐH Nông Lâm TP. HCM	Kế toán		HCM05308		VT	VT	VT		HCM01994
217	HUỖNH MINH	TIẾN	1	1	1980				Tiền giang	Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	HTNVQS	HCM05312	10	64.00	24.00	56.00		HCM01995
218	LÊ QUYẾT	TIẾN	26	6	1987				ấp 5 Xã Đông Thạnh Huyện Hóc Môn Tp.HCM	Cao đẳng kinh tế	Kế toán		HCM05313		56.00	30.00	56.00		HCM01996
219	PHẠM THỊ	TỈNH				13	2	1988	Thái Bình	Đại học KINH TẾ- LUẬT	Luật Kinh doanh		HCM05315		60.00	46.00	60.00		HCM01997
220	NGUYỄN ANH	TÒAN	28	10	1989				Thái Bình	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		HCM05317		88.00	38.00	84.00		HCM01998
221	PHAN THỊ	TRÀ				23	5	1993	Xã Thạch Mỹ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Cao đẳng Tài chính hải quan	Tài chính nhà nước	Con TB	HCM05318	20	VT	VT	VT		HCM01999
222	CAO QUỲNH	TRÂM				22	10	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05319		72.00	70.00	80.00		HCM02000
223	DIỆP BẢO	TRÂM				5	10	1992	Ninh Thuận	Cao đẳng Công Nghệ Thông Tin TPHCM	Tài chính ngân hàng		HCM05320		VT	VT	VT		HCM02001
224	HOÀNG NGUYỄN HUỖN	TRÂM				10	4	1991	Phú Yên	Học viện Ngân Hàng	Tài chính ngân hàng		HCM05321		VT	VT	VT		HCM02002
225	LƯƠNG NGỌC	TRÂM				4	10	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		HCM05323		68.00	44.00	80.00		HCM02003
226	TRẦN ANH	TRÂM				26	3	1992	Tỉnh Ninh Thuận	Cao đẳng Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức	Quản trị kinh doanh		HCM05324		44.00	50.00	68.00		HCM02004
227	TRẦN NGỌC	TRÂM				5	11	1982	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghiệp Tp. HCM	Kế toán - Kiểm toán		HCM05325		VT	VT	VT		HCM02005
228	ĐẬU THỊ	TRANG				16	3	1990	Nghệ An	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05329		60.00	66.00	68.00		HCM02006
229	NGUYỄN HỒNG	TRANG				7	12	1994	Bình Định	Cao đẳng BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	Tài chính ngân hàng		HCM05331		28.00	26.00	44.00		HCM02007
230	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG				28	5	1984	Ấp Bình Cang 1, Xã Bình Thạnh, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Sài Gòn	Kế toán		HCM05332		VT	VT	VT		HCM02008
231	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				10	10	1990	Quảng Trị	Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức	Hạch toán kế toán		HCM05335		64.00	38.00	76.00		HCM01980
232	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG				16	12	1990	Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Cao đẳng CĐ Tài Chính Hải Quan	Kế toán		HCM05336		VT	VT	VT		HCM02009
233	PHẠM THỊ THU	TRANG				27	12	1992	Hải Dương	Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TPHCM	Kế toán		HCM05337		52.00	46.00	72.00		HCM02010
234	TRẦN VŨ HOÀI	TRANG				3	11	1993	Bạc Liêu	Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		HCM05340		68.00	38.00	56.00		HCM02011
235	VŨ THỊ THU	TRANG				21	6	1990	51 Khu phố Xóm Gò 1, Thị Trấn Tân Hoà, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	Đại học Đại Học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		HCM05341		VT	VT	VT		HCM02012
236	CHU XUÂN MAI	TRINH				25	11	1994	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		HCM05343		40.00	62.00	56.00		HCM02013

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
237	NGUYỄN THỊ TỎ	TRINH				28	10	1992	Thành Phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Trung Cấp Bến Thành	Tài chính ngân hàng		HCM05344		28.00	28.00	60.00		HCM02014
238	TRƯƠNG THỊ THỦY	TRINH				14	8	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Viễn Đông TPHCM	Kế toán		HCM05347		40.00	60.00	72.00		HCM02015
239	BÙI THỊ ANH	TRÚC				4	4	1994	Quảng Ngãi	Cao đẳng Tài chính Hải Quan	Kế toán		HCM05350		64.00	40.00	64.00		HCM02016
240	BÙI THỊ THANH	TRÚC				28	10	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Công nghiệp Tp Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05351		64.00	34.00	60.00		HCM02017
241	NGUYỄN THỊ THỦY	TRÚC				15	5	1991	Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ (Hutech) TPHCM	Kế toán		HCM05354		VT	VT	VT		HCM02018
242	PHAN THỊ THẢO	TRÚC				10	6	1992	Phú Yên	Cao đẳng Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa	Kế toán		HCM05355		VT	VT	VT		HCM02019
243	PHẠM ĐĂNG QUỐC	TRUNG	20	6	1978				LONG AN	Trung cấp KINH TẾ TP.HCM	Thuế		HCM05356		68.00	46.00	40.00		HCM02020
244	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	20	12	1992				LONG AN	Cao đẳng Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05357		64.00	46.00	60.00		HCM02021
245	NGUYỄN HỮU ANH	TRƯỜNG	21	6	1990				Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Đại học quốc tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		HCM05358		VT	VT	VT		HCM02022
246	DƯƠNG PHAN CẨM	TÚ				30	4	1990	Thành phố hồ chí minh	Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		HCM05359		VT	VT	VT		HCM02023
247	LÊ CẨM	TÚ				11	9	1992	Bến Tre	Cao đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng	Kế toán		HCM05360		48.00	32.00	40.00		HCM02024
248	NGUYỄN QUỐC	TÚ	25	6	1990				Tây Ninh	Cao đẳng Kinh Tế - Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh thương mại		HCM05362		64.00	48.00	80.00		HCM02025
249	LƯƠNG ANH	TUẤN	7	12	1992				THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Cao đẳng Kinh tế TP. HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05364		68.00	60.00	80.00		HCM02026
250	NGUYỄN THANH	TÙNG	25	8	1993				Đồng Tháp	Cao đẳng Trường Đại học CNTT Gia Định	Kế toán		HCM05367		44.00	60.00	80.00		HCM02027
251	TRẦN THỊ	TƯỜNG				18	4	1989	Bình Định	Cao đẳng Bình Định	Kế toán		HCM05369		VT	VT	VT		HCM02028
252	NGUYỄN HẢI	TUYẾN				4	4	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học Nguyễn Tất Thành	Quản trị kinh doanh		HCM05370		60.00	36.00	52.00		HCM02029
253	HUYỀN NGUYỄN THANH	TUYẾN				13	6	1990	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HCM05371		56.00	56.00	MT		HCM02030
254	KIỀU THỊ THANH	TUYẾN				6	5	1987	Tiền Giang	Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Phú Lâm	Kế toán		HCM05372		48.00	32.00	56.00		HCM02031
255	NGUYỄN HẢI	TUYẾN				23	1	1985	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Giao Thông Vận Tải III	Kế toán		HCM05373		52.00	44.00	72.00		HCM02032
256	VÕ THỊ KIM	TUYẾN				18	9	1990	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Cao đẳng KINH TẾ KỸ THUẬT SÀI GÒN	Kế toán		HCM05375		68.00	38.00	80.00		HCM02033
257	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT				17	2	1995	Hà Tĩnh	Cao đẳng Tài Chính Hải Quan	Kinh doanh XNK		HCM05376		56.00	62.00	64.00		HCM02034
258	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYẾT				31	12	1993	Hải Lộc- Hải Hậu- Nam Định	Đại học CNTT Gia Định	Quản trị kinh doanh		HCM05377		64.00	52.00	60.00		HCM02035
259	NGUYỄN THỊ THU	TUYẾT				4	3	1989	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Việt Khoa	Quản trị kinh doanh		HCM05378		VT	VT	VT		HCM02036
260	NGUYỄN HÀ KIM	VÂN				22	9	1991	TP Hồ Chí Minh	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HCM05380		VT	VT	VT		HCM02037
261	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN				8	9	1988	Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Công Nghệ Tp.HCM	Kế toán		HCM05381		72.00	38.00	64.00		HCM02038
262	TẶNG THỊ HỒNG	VÂN				8	5	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài chính- Hải quan	Tài chính ngân hàng		HCM05383		64.00	60.00	80.00		HCM02039
263	TRẦN LÊ TUYẾT	VÂN				9	3	1994	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài chính- hải quan	Tài chính nhà nước		HCM05384		68.00	30.00	44.00		HCM02040
264	VŨ THÙY	VÂN				7	3	1993	Ninh Bình	Cao đẳng Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		HCM05386		68.00	52.00	76.00		HCM02041

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
265	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI				27	2	1981	Thành Phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Công Nghệ Thông Tin TPHCM	Kế toán		HCM05388		60.00	34.00	60.00		HCM02042
266	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	2	9	1993				Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Tài Chính Marketing	Quản trị kinh doanh		HCM05389		88.00	42.00	68.00		HCM02043
267	ĐẶNG QUANG	VINH	4	12	1993				Thành phố Bến Tre	Cao đẳng Tài Chính - Hải Quan	Tài chính nhà nước		HCM05391		72.00	38.00	68.00		HCM02044
268	NGUYỄN HỮU	VINH	2	9	1994				Thành Phố Hồ Chí Minh	Đại học Hoa Sen	Quản trị kinh doanh		HCM05392		44.00	64.00	64.00		HCM02045
269	PHẠM QUỐC	VŨ	25	11	1989				Tiền Giang	Trung cấp Vạn Tường	Kế toán doanh nghiệp		HCM05395		60.00	30.00	56.00		HCM02046
270	PHẠM THỊ	VUI				18	7	1993	Đồng Xá - Đồng Hưng - Thái Bình	Cao đẳng Tài chính - Hải quan	Kế toán doanh nghiệp		HCM05396		64.00	40.00	64.00		HCM02047
271	NGÔ TƯỜNG	VY	11	11	1993				Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Hồng Hà	Kế toán doanh nghiệp		HCM05397		44.00	30.00	60.00		HCM02048
272	NGUYỄN THUỶ	VY				6	4	1994	Quảng Ngãi	Đại học Đại học Công nghệ Tp.HCM	Kế toán		HCM05398		VT	VT	VT		HCM02049
273	PHAN NGUYỄN TƯỜNG	VY				11	11	1994	Tiền Giang	Cao đẳng BC Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp	Tài chính ngân hàng		HCM05399		76.00	58.00	72.00		HCM02050
274	TRẦN VĂN	XUÂN	2	1	1987				xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Cao đẳng kinh tế tài chính Thái Nguyên	Ngân hàng		HCM05402		VT	VT	VT		HCM02051
275	KHUỖ HUỖNH NHƯ	Ỡ				16	12	1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		HCM05405		56.00	40.00	52.00		HCM02052
276	DƯƠNG THỊ NGỌC	YẾN				19	3	1995	LONG AN	Cao đẳng Kinh Tế Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05406		72.00	30.00	56.00		HCM02053
277	CHÂU HỒNG	YẾN				9	9	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế đối ngoại TP HCM	Kế toán		HCM05407		52.00	54.00	72.00		HCM02054
278	ĐẶNG THỊ HOÀNG	YẾN				30	5	1994	thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Xây Dựng Số 2	Kế toán		HCM05408		32.00	40.00	36.00		HCM01833
279	HOÀNG THỊ	YẾN				8	10	1990	Tương Sơn- Thạch Hà- Hà Tĩnh	Đại học Văn Hiến Tp.HCM	Quản trị kinh doanh		HCM05409		VT	VT	VT		HCM02055
280	HUỖNH THỊ KIM	YẾN				16	4	1992	Khu phố Phước Hậu 3, Phường 9, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Cao đẳng Công Thương TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		HCM05410		VT	VT	VT		HCM02056
281	LÊ HOÀNG	YẾN				15	10	1991	Gia lai	Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP.HCM	Tài chính ngân hàng		HCM05411		36.00	42.00	68.00		HCM02057
282	NGUYỄN NGỌC	YẾN				31	3	1988	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Kinh tế Công Nghệ TPHCM	Kế toán		HCM05412		VT	VT	VT		HCM02058
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	PHẠM VĂN	ĐỒNG	16	6	1985				Xã Nam Trung, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình	Trung cấp Trung cấp Văn Thư Lưu Trữ Trung Ương II	Hành chính văn phòng		HCM05464		56.00	34.00	68.00		HCM02089
2	TRẦN THỊ	HUỆ				19	11	1987	Thanh Hương-Thanh Liêm-Hà Nam	Cao đẳng Nội vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		HCM05473		VT	VT	VT		HCM02090
3	LƯU GIA	LINH				12	9	1993	Thành phố Hồ Chí Minh	Cao đẳng Tài chính - Hải quan	Quản trị hành chánh văn phòng		HCM05479		VT	VT	VT		HCM02091
4	HỨA THỊ	QUYÊN				20	6	1992	Quảng Nam	Trung cấp Văn Thư - Lưu trữ Trung Ương	Hành chính văn phòng		HCM05487		40.00	26.00	56.00		HCM02092
5	HỒ XUÂN	THU				8	9	1982	Thành Phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Văn thư Lưu trữ lưu trữ - Trung ương II	Văn thư lưu trữ		HCM05490		48.00	MT	60.00		HCM02093
6	HUỖNH THỊ THANH	TRANG				22	11	1983	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Văn thư Lưu trữ TW2	Văn thư lưu trữ		HCM05493		48.00	26.00	40.00		HCM02094
7	PHAN TRẦN THUỶ	TRÚC				20	7	1993	Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh	Đại học Sài Gòn	Quản trị văn phòng		HCM05495		56.00	44.00	68.00		HCM02095
8	NGUYỄN TRẦN THUY	VY				22	11	1988	Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre	Trung cấp trường trung Cấp Văn thư lưu trữ Trung Ương	Hành chính văn phòng		HCM05497		56.00	32.00	76.00		HCM02096